Tài liệu thực hành
Microsoft Access 2010

Phần 1: Bài tập thực hành trên lớp

Bài tập thực hành 01. Các thao tác cơ bản

Yêu cầu:

1. Tạo một thư mục theo đường dẫn: D:\TenSV

2. Khởi động access, tạo một cơ sở dữ liệu mới tên QLSV lưu trong thư mục TenSV với các đặc tả như sau:

- Chương trình chỉ quản lý sinh viên của một trung tâm hoặc một khoa.
- Lớp được phân biệt bằng MaLop.
- Mỗi lớp có nhiều sinh viên, các sinh viên được phân biệt nhau bằng MaSV, một sinh viên chỉ thuộc một lớp.
- Một sinh viên học nhiều môn học, mỗi môn học đqợc phân biệt bằng MaMH và mỗi môn học được học bởi nhiều sinh viên.
- Mỗi sinh viên ứng với mỗi môn học được thi hai lần và ứng với mỗi lần thi thì chỉ có một kết quả duy nhất.

3. Dùng chức năng table để tạo các bảng trong CSDL đồng thời thiết lập khóa chính cho mỗi bảng như sau:

LOP

field Name	Data Type	Description	Field Properties
MaLop	Text	Mã Lớp	Field size 10 Format: >[Blue] Caption: Mã Lớp
TenLop	Text	Tên lớp	Field size: 30 Caption: Tên Lớp
GVCN	Text	Giáo viên CN	Field size: 30 Caption: Giáo viên CN

MONHOC

field Name	Data Type	Description	Field Properties
MaMH	Text	Mã môn học	Field size: 10 Format: >[Red] caption: Mã môn học
TeNMH	Text	Tên môn học	Field size: 30 Caption: Tên môn học
SoTC	Number	Số tín chỉ	Field size: byte Caption: Số tín chỉ

SINHVIEN

field Name	Data Type	Description	Field Properties
MaSV	Text	Mã sinh viên	Field size 10 Format >[Red] Caption: Mã Sinh viên
HoSV	Text	Họ sinh viên	Field size: 30 Caption: Họ sinh viên
TenSV	Text	Tên sinh viên	Field size: 20 Caption: Tên sinh viên
Phai	Yes/No	Phái	Format: ;"Nam"; "Nữ" Lookup→ Display control: Textbox
NgaySinh	Date/time	Ngày sinh	Format : short date Input mask: 00/00/00 Caption: Ngày sinh
DiaChi	Text	Địa chỉ	Field size: 50 Caption: Địa chỉ
DienThoai	Text	Điện Thoại	Field size:14 Input Mark: !\(999") "0000000;;* Caption: Điện thoại
MaLop	Text	Mã lợp	Field size: 10 Format : >[Blue] Caption: Mã lớp

KETQUA

field Name	Data Type	Description	Field Properties
MaSV	Text (Lookup Wizard)	Mã sinh viên	Field size 10 Format >[Blue] Caption: Mã Sinh viên
MaMH	Text (Lookup Wizard)	Mã môn học	Field size: 10 Format: >[Red] Caption: Mã môn học
DiemLan1	Number	Điểm lần 1	Field size: Double Caption: Điểm lần 1 Validation Rule: >=0 and <=10 Validation Text: Điểm phải >=0 và <=10
DiemLan2	Number	Điểm lần 2	Field size: Double Caption: Điểm lần 2 Validation Rule: >=0 and <=10 Validation Text: Điểm phải >=0 và <=10

4. Nhập liệu cho các bảng

LOP

Mã Lớp	Tên Lớp	GV Chủ Nhiệm
CDTH1A	Cao Đẳng Tin Học 1A	Nguyễn Văn Minh
CDTH1B	Cao Đẳng Tin Học 1B	Nguyễn Văn Thắng
CDTH2A	Cao Đẳng Tin Học 2A	Lê Thanh Hùng
CDTH2B	Cao Đẳng Tin Học 2B	Nguyễn Văn Tùng
TCTH35A	Trung Cấp Tin Học 35A	Hoàng Văn Hạnh
TCTH35B	Trung Cấp Tin Học 35B	Nguyễn Hoàng Nam
TCTH36A	Trung Cấp Tin Học 36A	Trần Văn Hải
TCTH36B	Trung Cấp Tin Học 36B	Nguyễn Thị Hoa

MONHOC

Mã Môn học	Tên Môn học	Số Tín Chỉ
CSDL	Cơ Sở Dữ Liệu	4
CTDL	Cấu Trúc Dữ Liệu	4
CTR	Chính trị	3
DHOA	Đồ họa máy tính	4
JAVA	Lập trình JAVA	5
NMTH	Nhập môn tin học	4
PPLT	Phương Pháp Lập Trình	5
PTWB	Phát triển Web	3
TRR	Toán Rời Rạc	3

SINHVIEN

Mã sinh viên	Họ Sinh Viên	Tên Sinh Viên	Phái	Ngày Sinh	Địa chỉ	Điện Thoại	Mã Lớp
A101	Lê Kiều	Oanh	Nữ	12/10/78	12 Nguyễn Trãi Q3	( )7896746	CDTH1A
A102	Trần văn	An	Nam	15/11/76	14 Đinh Tiên Hoàng Q1	( )7613123	CDTH1A
A103	Nguyễn Thúy	Hiền	Nữ	12/02/78	13 Trần Bình Trọng QPN	( )9123126	CDTH1A
A104	Nguyễn Thành	Nhân	Nam	11/11/80	15 Nguyễn Trãi Q3	( )7213546	CDTH1A
A201	Nguyễn	Lâm	Nam	10/10/88	12 Trần Não PN		CDTH2A
A202	Tạ Thanh	Lam	Nữ	11/01/86	172E Nuyên Hồng GV		CDTH2A
A203	Hoàng	Minh	Nam	22/11/88	132/12 Nguyễn Trãi Q5		CDTH2A
A204	Lê thị	Hoa	Nữ	03/12/87	98/16 Nguyễn Kiệm PN	( )7892137	CDTH2A
B101	Lê Bá	Hải	Nam	12/12/78	12 Trương Định Q3	( )8131231	CDTH1B
B102	Phạm thị	Hoa	Nữ	09/09/79	5 Lê Lai Q1		CDTH1B
B103	Lê Vĩnh	Phúc	Nam	01/04/80	12 Phan văn Trị GV		CDTH1B
B104	Phạm văn	Hùng	Nam	09/04/79	50 Nguyễn Kiệm PN	( )9541312	CDTH1B
B105	Nguyễn Thanh	Tâm	Nam	05/07/81	45 Lê Quang Định BT	( )8231312	CDTH1B
B201	Đỗ	Hoàng	Nam	09/11/87	12 Nguyễn Kiệm PN	( )9347477	CDTH2B
B202	Trần thị	Dung	Nữ	10/01/89	39/12a Nguyễn Thái Sơn		CDTH2B
B203	Lê văn	Lợi	Nam	01/12/89	145/1A Nguyên Hồng GV		CDTH2B
B204	Đặng Trung	Tiến	Nam	22/12/88	11/1E Lê Lợi GV		CDTH2B
C3501	Nguyễn văn	Hùng	Nam	12/12/80	45 Bạch Đằng BT		TCTH35A
C3502	Lê thị Tường	Vi	Nữ	15/09/79	56 Hai Bà Trưng Q1	( )8512631	TCTH35A
C3503	Đỗ Kim	Loan	Nữ	03/04/82	8 Cống Quỳnh Q1	( )7231232	TCTH35A
C3504	Trần	Hùng	Nam	03/04/82	45 Nguyễn Trãi Q5	( )7213131	TCTH35B
C3505	Nguyễn Văn	Cường	Nam	12/11/89	123 Nguyễn Oanh GV	( )7879899	TCTH35B
C3506	Trần	Lâm	Nam	11/01/89	45 Quang Trung GV		TCTH35B
E3601	Nguyên Hoàng	Nam	Nam	07/12/85	12/A Võ thị Sáu Q3		TCTH36A
E3602	Nguyễn Hoàng	Ly	Nữ	07/03/85	32/1 Phan Đăng Lưu BT		TCTH36A
E3603	Võ Tấn	Lộc	Nam	20/12/90	21/E Nguyễn Đình Chiểu Q3	( )8392879	TCTH36A
E3604	Trần thị Ngọc	Anh	Nữ	18/04/90	89 Nguyễn t Minh Khai Q3		TCTH36B
E3605	Trần Thanh	Tuấn	Nam	22/12/89	38 Võ Văn Tần Q3	( )3732839	TCTH36B
E3606	Phạm Hoàng	Long	Nam	14/02/87	12/21a Nguyễn V Lượng GV		TCTH36A
E3607	Võ văn	Hùng	Nam	12/03/88	98/2D Lê Đức Thọ GV		TCTH36B

KETQUA

Mã Sinh viên	Mã Môn học	Điểm lần 1	Điểm Lần 2
B204	CSDL	7.5	
C3501	CSDL	8	
C3502	CSDL	9	
C3503	CSDL	10	
C3504	CSDL	6	
E3601	CSDL	5	
E3603	CSDL	5	
E3604	CSDL	8	
E3607	CSDL	6	
A203	CTDL	5	
A204	CTDL	7	
B204	CTDL	4	3
C3501	CTDL	4	6
C3502	CTDL	4	8
C3504	CTDL	4	3
C3505	CTDL	6	
E3603	CTDL	4	6
E3604	CTDL	7	
A101	CTR	6	
A103	CTR	8	
A104	CTR	2	5
B101	CTR	3	1
B102	CTR	9	
B105	CTR	4	7
C3501	CTR	6	
E3603	CTR	5	
E3604	CTR	7	
A102	DHOA	6.5	
A103	DHOA	4	
A104	DHOA	9	
C3505	DHOA	8	
E3607	DHOA	7	
A202	JAVA	4	
A204	JAVA	7	
C3503	JAVA	6	
C3505	JAVA	4	6.5
C3506	JAVA	7	
A103	NMTH	7.5	
A104	JAVA	3	
B102	NMTH	8	
B104	NMTH	3	
E3601	NMTH	6	

Mã Sinh viên	Mã Môn học	Điểm lần 1	Điểm Lần 2
A101	PPLT	3	6
A102	PPLT	7	
A103	PPLT	9	
A104	PPLT	5	
B101	PPLT	4	4
B102	PPLT	7	
B103	PPLT	7	
B104	PPLT	8	
B105	PPLT	5	
C3505	PPLT	3	5
E3601	PPLT	3	
E3602	PPLT	7	
E3603	PPLT	6	
E3604	PPLT	8	
E3607	PPLT	8	
A101	PTWB	5	
A102	PTWB	8	
A103	PTWB	8	
A104	PTWB	6	
A201	PTWB	8	
B101	PTWB	10	
B102	PTWB	2	3
B103	PTWB	6	
B104	PTWB	8.5	
B105	PTWB	8	
C3501	PTWB	8	
C3503	PTWB	9	
C3504	PTWB	3	5
E3602	PTWB	6	
E3604	PTWB	9	
A101	TRR	7	
A102	TRR	9	
A103	TRR	9	
A104	TRR	3	5
A204	TRR	6.5	
B101	TRR	5	
B102	TRR	9	
B103	TRR	9	
B104	TRR	8	
B105	TRR	6	
C3501	TRR	10	
C3502	TRR	9.5	
C3503	TRR	3	

5. Thiết lập mối quan hệ giữa các bảng:

6. Tạo Password cho cơ sở dữ liệu QLSV.

7. Mở cửa sổ thuộc tính của cơ sở dữ liệu QLSV để xem dung lượng, sau đó thực hiện chức năng Compact and Repair Database (Tools - Database Utilities - Compact and Repaire Database), sau khi thực hiện xong xem lại dung lượng của tập tin.

8. Tạo thêm một cơ sở dữ liệu mới, rỗng trong thư mục TenSV, với tên SV_BACKUP. Mở cơ sở dữ liệu SV_BACKUP, dùng chức năng import để chép các bảng SinhVien, Lop trong cơ sở dữ liệu QLSV vào SV_BACKUP.

9. Mở cơ sở dữ liệu QLSV, dùng chức năng export để chép bảng KetQua từ cơ sở dữ liệu QLSV sang SV_BACKUP.

10. Mở cơ sở dữ liệu SV_BACKUP dùng chức năng link-Table để chép bảng MonHoc từ QLSV sang SV_BACKUP.

11. Mở bảng MonHoc trong SV_BACKUP nhập thêm một record mới (dữ liệu tùy ý), sau đó mở bảng MONHOC trong QLSV xem kết quả và nhận xét.

12. Dùng chức năng Filter by Selection lọc ra những sinh viên có năm sinh là 1978.

13. Dùng chức năng Filter by Form lọc ra danh sách sinh viên có điểm thi lần 1 nhỏ hơn 5

14. Dùng chức năng Filter Excluding selection để lọc ra những sinh viên không thuộc quận 3.

15. Dùng chức năng Advanced Filter lọc ra danh sách sinh viên thuộc các lớp CDTH có năm sinh >=1980

16. Dùng chức năng Advanced Filter lọc ra danh sách sinh viên ở Q3 không có số điện thoại.

Bài tập thực hành 02. Thiết kế cơ sở dữ liệu cơ bản

1. Tạo tập tin cơ sở dữ liệu với tên là **HOADON.MDB** trong thư mục TevSV với đặc tả như sau:

Cơ sở dữ liệu HOADON quản lý việc mua bán hàng của một đơn vị kinh doanh. Việc mua bán hàng được thực hiện trên hóa đơn. Một hóa đơn chứa các thông tin về sản phẩm, tên khách hàng, tên nhân viên lập hóa đơn, ngày lập hóa đơn, ngày giao hàng ….

- Mỗi nhân viên bán hàng được phân biệt bởi MaNV.
- Mỗi khách hàng được phân biệt bởi MaKH. Mỗi khách hàng có thể mua nhiều hoá đơn. Một hoá đơn chỉ của một khách hàng.
- Mỗi hóa đơn được phân biệt bởi MaHD, một hoá đơn do một nhân viên lập, một nhân viên có thể lập nhiều hoá đơn.
- Mỗi sản phẩm được phân biệt bởi MaSP. Một sản phẩm có thể được mua trên nhiều hoá đơn. Mỗi hoá đơn cũng có thể mua nhiều sản phẩm. Nhưng mỗi sản phẩm trên mỗi hóa đơn là duy nhất.

Dùng chức năng table để tạo các bảng trong CSDL đồng thời thiết lập khóa chính cho mỗi bảng như sau:

NHANVIEN

Field Name	Data type	Description	Field Properties
MaNV	AutoNumber	Mã Nv	Caption: Mã Nv
HoNV	Text	Họ nhân viên	Field size: 25 Format:>[Blue] Caption: Họ NV
TenNV	Text	Tên nhân viên	Field size: 10 Format:>[Blue] Caption: Tên NV Require: yes
Phai	Yes/No	Phái Yes: Nam, No:Nữ	Format:;"Nam"[Blue];"Nữ"[Magenta] Caption: Phái Display Control: Text Box
NgaySinh	Date/Time	Ngày sinh	Format: short date Input Mark: 00/00/00 Caption: Ngày sinh
DiaChi	Text	Địa chỉ	Field size: 40 Caption: Địa chỉ.
DienThoai	Text	Số điện thoại	Field size:14 Input Mark: !\(999") "0000000;;* Caption: Điện thoại
Hinh	OLE Object	Hình	

KHACHHANG

Field Name	Data type	Description	Field Properties
MaKH	Text	Mã KHách hàng	Field size: 10 Format:>[Red] Caption: MaKH
TenKH	Text	Tên Khách hàng	Field size: 25 Format:>[Blue] Caption: Tên Công ty
DiaChi	Text	Địa chỉ	Field size: 40 Caption: Địa chỉ.
ThanhPho	Text	Thành phố	Field size: 10 Caption: Thành phố
DienThoai	Text	Số điện thoại	Field size:14 Input Mark: !\(999") "0000000;;* Caption: Điện thoại

SANPHAM

Field Name	Data type	Description	Field Properties
MaSP	Number	Mã sản phẩm	Field size: Integer Caption: Mã Sp Required: yes
TenSP	Text	Tên Sản phẩm	Field size: 40 Format:>[Blue] Caption: Tên Sp
DonViTinh	Text	Đơn vị tính	Field size: 10 Caption: Đơn vị tính
DonGia	Currency	Đơn giá	Format: Currency Decimal places: 2 Caption: Đơn giá Validation rule: >0 Validation Text: Phải nhập số >0

HOADON

Field Name	Data type	Description	Field Properties
MaHD	Text	Mã hóa đơn	Field size: 5 Format:>[red] Caption: Mã HĐ Required: yes
MaKH	Text	Mã KHách hàng	Field size: 10 Format:>[Red] Caption: MaKH
MaNV	Number	Mã nhân viên	Field size:LongInteger Caption: Mã NV Required: yes
NgayLapHD	Date/Time	Ngày lập hóa đơn	Format: short date Caption: Ngày Lập HĐ Input Mask: 00/00/00
NgayGiaoHang	Date/Time	Ngày giao nhận hàng	Format: short date Caption: Ngày Giao hàng Input Mask: 00/00/00

CHITETHOADON

Field Name	Data type	Description	Field Properties
MaHD	Text (Lookup Wizard)	Mã hóa đơn	Field size: 5 Format:>[red] Caption: Mã HĐ Required: yes
MaSP	Number (Lookup Wizard)	Mã sản phẩm	Field size: Integer Caption: Mã Sp Required: yes
SoLuong	Number	Số lượng	Field size: Integer Format:standard Caption: Số lượng Validation rule: >0 Validation Text: Phải nhập số >0
DonGiaBan	Currency	Đơn giá bán	Format: Currency Decimal places: Auto Caption: Đơn giá Bán

2. Thiết lập mối quan hệ giữa các bảng:

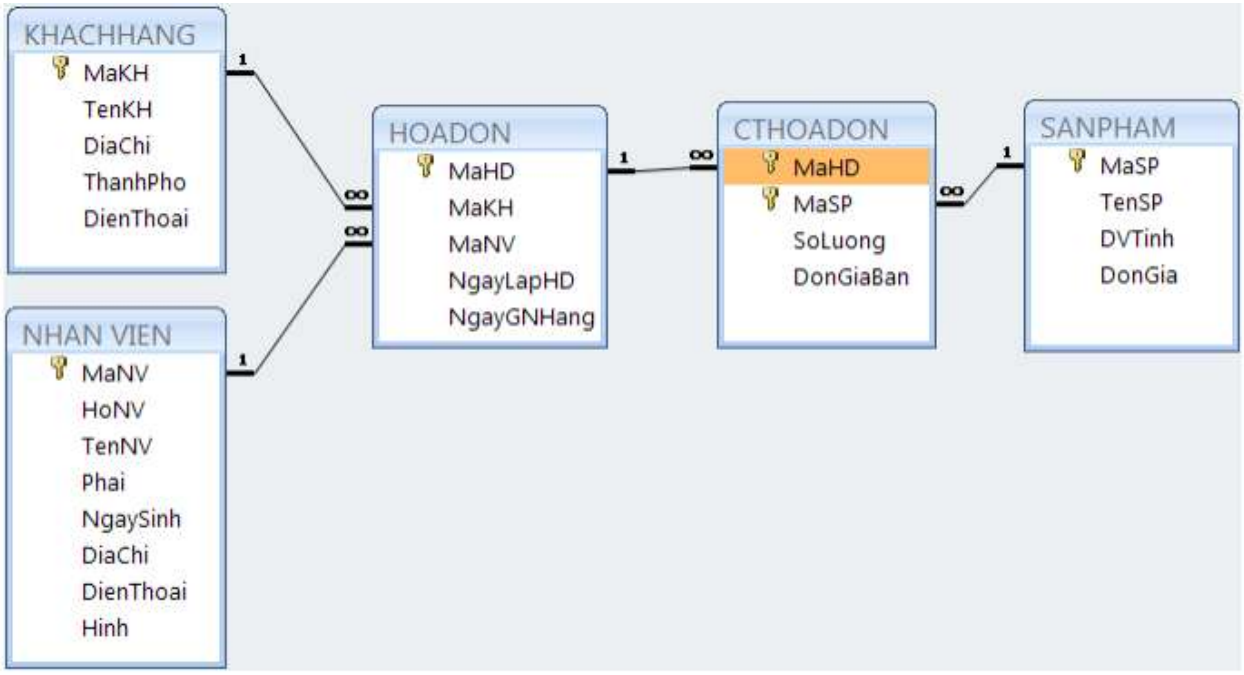

3. Nhập dữ liệu cho các Table theo mẫu sau:

NHANVIEN

Mã NV	Họ Nhân Viên	Tên Nhân Viên	Phái	Ngày sinh	Địa chỉ	Điện Thoại	Hình
1	NGUYỄN NGỌC	NGA	NỮ	10/12/64	13Hùng Vương P4 Q5	( )5465465	
2	HÀ VĨNH PHÁT	PHÁT	NAM	07/12/79	89 Đồng Khởi Q1	( )8767461	
3	TRẦN TUYẾT	OANH	NỮ	27/02/67	45 Lê Quý Đôn Q3	( )5465465	
4	NGUYỄN KIM	NGỌC	NỮ	25/12/80	187 Hậu Giang P5 Q6	( )5654654	
5	TRƯƠNG DUY	HÙNG	NAM	10/10/82	77 Trương Định Q1	( )5871544	
6	LƯƠNG BÁ	THẮNG	NAM	10/12/68	92 Lê Thánh Tôn Q11	( )8754165	
7	LÂM SƠN	HOÀNG	NAM	02/03/78	45 Ký Con Q1	( )8231231	
8	NGUYỄN MINH	HOÀNG	NAM	30/10/68	22 Lạc Long Quân Q11	( )7845138	
9	VƯƠNG NGỌC	LAN	NỮ	10/12/67	227 Hai Bà Trưng Q1	( )7784184	
10	NGUYỄN THỊ	MAI	NỮ	10/11/67	12Nguyễn Chí Thanh Q3	( )3451365	
11	LÊ VĂN	HÙNG	NAM	06/03/57	56 Nguyễn Trãi Q1	( )5745785	
12	NGUYỄN THỊ	HOA	NỮ	10/10/66	12 Trần Hưng Đạo Q1	( )6465465	
13	LÊ THỊ BÍCH	NGỌC	NỮ	11/01/87	34 Nguyễn Thông Q3	( )3333239	
14	ĐẶNG	HÙNG	NAM	11/01/87	12/A Hai Bà Trưng Q1	( )7765889	
15	ĐOÀN	KHOA	NAM	12/10/87	78 Lê lợi Gò Vấp	( )7656766	

KHACHHANG

Mã Khách Hàng	Tên Công Ty	Địa chỉ	Thành Phố	Điện Thoại
BSCO	CT CHỨNG KHOÁN NHĐT&PTVN	146 Nguyễn Công Trứ Q1	TP.HCM	( )8218509
CINOTEC	ĐIỆN TOÁN SÀI GÒN	43 Yết Kiêu P 6 Q3	TP.HCM	( )7931752
COMECO	VẬT TƯ THIẾT BỊ VẬN TẢI	226 An Dương VươngP11 Q11		( )8456781
FAHASA	PHÁT HÀNH SÁCH SÀI GÒN	12 Thuận Kiều Q5	TP.HCM	( )8452792
FISC	DỊCH VỤ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI	31 Trương Định P6 Q1	TP.HCM	( )8458247
HNTRCO	HÀ NỘI TOURIST TRAVEL	18 Hai Bà Trưng	HÀ NỘI	( )3824310
HUNSAN	HỪNG SÁNG	175 Lý Thường Kiệt TB		( )5465487
LIXCO	BỘT GIẶT LIX	79 Bàn Cờ P3 Q5	TP.HCM	( )8952187
SAFICO	THỦY SẢN XUẤT KHẨU	47 Bảy Sậy P1 Q11	TP.HCM	
SJC	VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ TP.HCM	350 CMT8 P12 Q3		( )8543543
TAFACO	THƯƠNG MẠI TẤN PHÁT	4 Trần Phú Q5	TP.HCM	( )8754875
THADACO	XÂY DỰNG THÀNH ĐẠT	6E Huỳnh Thúc Kháng BĐ	HÀ NỘI	( )5465454
TRACODI	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GTVT	343 Nhật Tảo Q10		( )5321321
TRANACO	DỊCH VỤ VẬN TẢI Q 3	156 Lê Đại Hành P7 Q10	TP.HCM	( )8654635

SANPHAM và HOADON

Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá
1	RƯỢU	CHAI	$230.50
2	GIA VỊ	THÙNG	$40.00
3	BÁNH KEM	CÁI	$2.00
4	BƠ	KG	$15.00
5	BÁNH MÌ	CÁI	$1.00
6	NEM	KG	$10.00
7	TÁO	KG	$5.00
8	CÁ HỘP	THÙNG	$62.50
9	KẸO	THÙNG	$12.00
10	GẠO	KG	$2.00
11	NẾP	KG	$3.00
12	SỮA	HỘP	$20.00
13	BIA	THÙNG	$25.00
14	BỘT NGỌT	KG	$5.00
15	ĐƯỜNG	KG	$2.00
16	CAFÉ	HỘP	$20.00
17	DẦU ĂN	THÙNG	$25.00
18	THỊT HỘP	THÙNG	$120.00
19	TRỨNG	THÙNG	$55.00
20	THỊT NGUỘI	KG	$50.00

Mã Hóa đơn	Mã Khách hàng	Mã Nhân viên	Ngày lập hóa đơn	Ngày giao hàng
10148	FAHASA	2	10/03/09	20/03/09
10149	BSCO	1	01/12/09	05/12/09
10150	HUNSAN	4	03/05/09	29/06/09
10151	LIXCO	5	10/09/09	12/09/09
10152	BSCO	1	12/01/09	20/01/09
10153	HUNSAN	2	11/01/09	15/02/09
10154	SJC	10	19/11/09	10/12/09
10155	SAFICO	2	10/10/09	15/10/09
10156	FISC	4	12/01/09	05/09/09
10157	SAFICO	2	10/01/09	20/05/09
10158	HUNSAN	5	11/02/09	05/03/09
10159	COMECO	8	09/01/09	06/07/09
10160	THADACO	11	13/01/09	30/06/09
10162	CINOTEC	7	25/01/09	10/07/09
10163	TRACODI	3	02/05/09	06/07/09
10166	SJC	9	21/01/09	12/09/09
10172	TAFACO	9	12/09/09	17/09/09
10175	TRANACO	9	03/05/09	07/09/09
10177	COMECO	2	29/01/09	05/07/09
10183	SAFICO	2	01/01/09	02/06/09
10186	TRACODI	11	15/09/09	30/09/09
10196	CINOTEC	1	28/06/09	01/07/09
10202	COMECO	4	18/05/09	22/09/09
10207	SJC	2	12/05/09	10/06/09
10209	TRACODI	8	10/02/09	17/05/09
10210	SJC	1	25/05/09	01/09/09
10214	HUNSAN	6	11/07/09	12/09/09
10221	TRACODI	11	02/09/09	30/09/09
10223	SJC	8	01/02/09	28/02/09
10224	SAFICO	7	02/05/09	28/05/09
10225	COMECO	2	10/05/09	20/05/09
10226	FAHASA	3	11/09/09	30/09/09
10227	SAFICO	8	10/01/09	12/02/09
10228	HUNSAN	2	05/02/09	12/03/09
10230	HUNSAN	2	19/09/09	22/09/09
10238	LIXCO	7	02/09/09	30/09/09

CHITIETHOADON

Mã hóa đơn	Mã sản phẩm	Số Lượng	Đơn giá
10148	3	20.00	2.10
10148	4	30.00	15.75
10148	9	20.00	12.60
10149	2	22.00	42.00
10149	8	10.00	65.63
10150	4	10.00	15.75
10150	6	20.00	10.50
10150	7	30.00	5.25
10151	2	20.00	42.00
10151	3	10.00	2.10
10151	4	23.00	15.75
10152	7	22.00	5.25
10152	8	10.00	65.63
10153	4	10.00	15.75
10153	5	10.00	1.05
10154	10	4.00	2.10
10156	8	20.00	65.63
10157	3	4.00	2.10
10157	4	50.00	15.75
10157	9	10.00	12.60
10157	11	15.00	3.15
10158	5	30.00	1.05
10158	6	50.00	10.50
10159	1	30.00	242.03
10159	7	2.00	5.25
10160	9	30.00	12.60
10162	1	5.00	242.03
10162	2	10.00	42.00
10162	7	12.00	5.25
10166	1	10.00	242.03
10166	6	20.00	10.50
10172	5	25.00	1.05
10175	8	20.00	65.63
10183	4	12.00	15.75
10183	5	20.00	1.05
10183	6	12.00	10.50
10186	6	50.00	10.50
10196	4	12.00	15.75
10196	9	50.00	12.60
10207	5	15.00	1.05
10209	7	20.00	5.25
10209	14	20.00	5.25
10214	16	10.00	21.00
10224	9	22.00	12.60
10225	1	10.00	242.03
10225	4	7.00	15.75
10225	5	55.00	1.05
10226	4	21.00	15.75
10226	6	110.00	10.50
10226	16	15.00	21.00
10226	17	15.00	26.25
10227	2	15.00	42.00
10227	12	20.00	21.00
10228	4	45.00	15.75
10228	5	15.00	1.05
10228	7	28.00	5.25
10228	11	12.00	3.15
10230	2	30.00	42.00
10230	6	30.00	10.50
10230	12	10.00	21.00
10238	1	4.00	242.03
10238	2	10.00	42.00
10238	3	12.00	2.10
10238	9	20.00	12.60
10158	4	18.00	15.75

4.Thực hiện các thao tác trên table ở chế độ Datasheet view

a) Mở Table SAN PHAM, Sắp xếp dữ liệu theo DONGIABAN tăng dần, lqu kết quả sau khi sắp xếp và đóng lại.

b) Mở Table HOA DON: Sắp xếp theo MANV tăng dần, nếu trùng MANV thì xếp theo NGAYLAPHD tăng dần. (Sắp xếp theo hai field: dùng chức năng Filter/Advanced Filter)

5. Thực hiện thao tác lọc dữ liệu sau:

a) Mở table NHANVIEN, sử dụng Filter by Selection thực hiện lọc

- Các nhân viên có tên là "Hùng"
- Các nhân viên có tên bắt đầu là "H"
- Các nhân viên sinh vào tháng 12

b) Mở table SANPHAM, sử dụng Filter by form thực hiện lọc:

- Các sản phẩm có đơn vị tính là "thùng"
- Các sản phẩm có đơn giá 20 đến 50

c) Mở table KHACHHANG, sử dụng Advanced Filter/Sort thực hiện lọc:

- Các Khách hàng ở "Tp. HCM" nhưng không có số điện thoại
- Các khách hàng ở "Tp. HCM" hoặc "Hà Nội"

d) Sao chép cấu trúc của bảng SANPHAM thành một bảng mới với tên SP_TAM

e) Sao chép dữ liệu của bảng SANPHAM vào sản SP_TAM.

6. Mở table SP_TAM, dùng chức năng Edit - Find hoặc Edit - Replace để thực hiện các thao tác sau:

a) Tìm những sản phẩm có đơn vị tính là "Kg"

b) Tìm những sản phẩm có Tên sản phẩm bắt đầu là "B"

c) Tìm và thay thế những đơn vị tính là "cái" thay thành "Chiếc".

7. Chức năng Import, Link Table:

a) Tạo cơ sở dữ liệu trống tên QLVT.MDB, sau đó dùng chức năng Import, Import các Table SanPham, HoaDon, ChiTietHD từ cơ sở dữ liệu Hoadon sang QLVT.MDB

b) Dùng chức năng Link Table để tạo liên kết giữa hai Table ChiTietHoaDon có trong hai CSDL này.

8. Dùng chức năng Export:

a) Dùng chức năng Export, thực hiện export Table KhachHang, Nhanvien từ CSDL HoaDon sang CSDL QLVT.MDB.

b) Dùng chức năng Export để export Table KhachHang từ CSDL HoaDon thành tập tin tên DSKhachHang.XLS trong Excel.

c) Dùng chức năng import để thực hiện import tập tin DSKhachHang.XLS trong excel thành một table DSKH trong access.

Bài tập thực hành 03: Truy vấn dữ liệu (tiếp theo)

Dùng cơ sở dữ liệu HOADON hãy tạo các truy vấn sau:

1. Tạo query cho biết các thông tin về hoá đơn gồm các field: mã HD, tên KH, tên NV lập hoá đơn, ngày lập HD, ngày nhận hàng, sắp xếp dữ liệu theo ngày lập hóa đơn.

2. Tạo query cho biết các thông tin về hóa đơn của khách hàng CINOTEC: MaHD, TenNV, NgayLapHD, NgayGiaoHang. Sắp xếp dữ liệu theo NgayGiaoHang.

3. Tạo query cho biết các thông tin về hóa đơn do những nhân viên ở Q1 lập: MaHD, MaKH, TenKH, DiaChi (Caption: Địa chỉ Khách Hàng), TenNV, DiaChi (Caption: Địa chỉ Nhân Viên), NgayLapHD, NgayGiaoHang.

4. Tạo query cho xem danh sách các Khách hàng với MAKH có hai ký tự cuối của là CO. Thông tin bao gồm các field: MaKH, TenKH, DiaChi, DienThoai.

5. Danh sách các hóa đơn do nhân viên có tên Nga lập trong tháng 5. Thông tin bao gồm MaHD, NgayLapHD, NgayGiaoHang.

6. Cho xem danh sách nhân viên có năm sinh >=1975, gồm các thông tin: MaNV, HoTen, DiaChi, DienThoai.

7. Tạo query cho biết các thông tin về hóa đơn của khách hàng CINOTEC, FAHASA, SJC, HUNSAN bao gồm: MaHD, MaKH, TenNV, NgayLapHD, NgayGiaoHang, TenSP, SoLuong, DonGiaBan. Kết quả đqợc sắp xếp theo MaKH và NgayGiaoHang tăng dần.

8. Tạo query cho biết các thông tin của hoá đơn có mã số 10148: MaKH, TenNV, NgayLapHD, NgayGiaoHang, TenSP, SoLuong, DonGiaBan, ThanhTien, trong đó ThanhTienUSD = SoLuong * DonGiaBan.

9. Tạo query cho biết các thông tin của hoá đơn lập trong tháng giêng: MaHD, MaKH, TenKH, TenNV, NgayLapHD, NgayGiaoHang.

10. Tạo query cho xem các hoá đơn lập trong tháng giêng và tháng hai đồng thời số lượng của mỗi mặt hàng >20, thông tin bao gồm: MaHD, MaKH, TenNV, NgayLapHD, NgayGiaoHang, ThanhTienUSD, ThanhTienVN. Trong đó

- ThanhTienUSD = SoLuong * DonGiaBan, định dạng đơn vị $
- ThanhTienVN=ThanhTienUSD*18500, định dạng đơn vị tiề tệ VNĐ

11. Tạo query cho biết các thông tin của hoá đơn lập trong tháng 5 và giao hàng sau ngày 15/6/09, gồm các field: MaHD, TenKH, TenNV, NgayLapHD, NgayGiaoHang, TenSP, SoLuong, DonGiaBan, ThanhTien.

12. Tạo query cho xem thông tin của các hoá đơn có thời gian từ ngày lập hóa đơn đến ngày giao hàng dqới 20 ngày, gồm các thông tin MaHD, TenNV, NgayLapHD, NgayGiaoHang, TenSP, SoLuong, DonGiaBan, ThanhTien.

13. Tạo query cho biết các thông tin về hoá đơn đqợc lập trong ngày cuối cùng của bảng hóa đơn: mã HD, ngày lập hóa đơn. (HD: trong cửa sổ thiết kế query, sắp xếp

field NgayLapHD theo chiều giảm dần, sau đó dùng chức năng top Value và nhập vào số giá trị muốn hiển thị).

14. Danh sách các sản phẩm có đơn giá bán thấp nhất. Thông tin bao gồm MaSp, TenSp, DviTinh, DonGiaBan (tương tự câu 13).

Dùng cơ sở dữ liệu QLSV và thực hiện các truy vấn sau:

1. Tạo query cho xem điểm thi của các sinh viên, thông tin bao gồm: MaSV, HoTen: [HoSV]&" "&[TenSV], TenMH, DiemLan1, DiemLan2, kết quả sắp xếp theo MaSV.

2. Tạo query cho xem danh sách các sinh viên thuộc các lớp trung cấp tin học thi lần 2 gồm các field MaSV, HoTen, MaMH, TenMH, DiemLan1, DiemLan2.

3. Tạo query để xem danh sách những sinh viên thi lần 2 của các lớp cao đẳng gồm các thông tin MaSv, HoTen, TenMH, DiemLan1, DiemLan2.

4. Tạo query cho xem danh sách các sinh viên thi lần 2 không đạt, thông tin gồm các field: MaSV, HoTen, MaLop, TenMH, DiemLan1, DiemLan2.

5. Tạo query cho xem kết quả thi của sinh viên, thông tin gồm các field: MaSV, HoTen, TenMH, DiemLan1, KetQua, trong đó: field KetQua đqợc xét như sau: nếu DiemLan1>=5 thì đạt, ngược lại thì không đạt.

6. Tạo query để xem điểm tổng kết của sinh viên gồm các thông tin MaLop, MaSV, HoTen, TenMH, DiemKQ. Trong đó DiemKQ đqợc tính như sau:

- Nếu DiemLan1>=5 thì DiemLan1 là DiemKQ
- Ngược lại, nếu DiemLan2<>null thì DiemKQ là điểm cao nhất của DiemLan1 và DiemLan2.
- Ngược lại nếu DiemLan2 = Null thì DiemKQ là 0.

7. Tạo query xem danh sách những sinh viên học lại gồm các thông tin: MaSV, HoTen, MaLop, TenMH, Hoclai, trong đó field Hoclai đqợc xét nhq sau: Nếu DiemKQ=0 thì học lại, ngược lại thì để trống (nghĩa là nếu thi lần 1 <5 mà không thi lần 2 thì sẽ học lại môn đó. (HD: sử dụng câu 3 làm dữ liệu nguồn).

Bài tập thực hành 04. Truy vấn dữ liệu (Tiếp theo)

Select Query, sử dụng các hàm cơ bản, chức năng ToTal và các hàm thống kê dữ liệu: Sum, Count, Avg, Min, Max.

A. SELECT QUERY - TẠO THÊM FIELD MỚI, SỬ DỤNG CÁC HÀM IIF LỒNG NHAU.

1. Cho xem danh sách nhân viên có tuổi từ 20 đến 40, trong đó tuổi đqợc tính =Year(Date()) – Year([Ngaysinh])

2. Cho xem danh sách nhân viên ứng với độ tuổi. Thông tin kết quả bao gồm mã nhân viên, họ và tên, Phái, tuổi, độ tuổi. Trong đó

- Họ và tên là được ghép bởi HoNv và TenNv
- Độ tuổi: dựa vào tuổi nếu tuổi <18: Thanh thiếu niên.
  - Tuổi từ 18 đến < 35: Thanh niên.
  - Tuổi từ 35 đến < 50: Trung niên.
  - Tuổi >=50: Cao niên.

3. Cho xem danh sách nhân viên ở độ tuổi là Cao niên (dữ liệu nguồn là truy vấn câu 2)

4. Cho xem danh sách 3 nhân viên lớn tuổi nhất, thông tin gồm: MaNV, HoTen, GioiTinh, Tuoi (dữ liệu nguồn là truy vấn câu 2).

5. Tạo query tính tiền trả trqớc của khách hàng, thông tin gồm: MaHD, MaKH,TenSP, DonGiaBan, Songay, Thanhtien, TienTraTruoc, Conlai. Trong đó:

- Songay = NgayGiaoHang – NgayLapHD.
- ThanhTien = SoLuong*DonGiaBan.
- TienTraTruoc: Nếu SoNgay <=20 thì trả trqớc 20% của thành tiền, nếu 20<SoNgay<=30 thì trả trước 30% của thành tiền, các trường hợp còn lại trả trước 50% của thành tiền.
- Conlai=ThanhTien-TienTraTruoc.

6. Tạo query tính tiền cho từng sản phẩm trong từng hóa đơn thông tin bao gồm: MaHD, NgayLapHD, TenSP, Soluong, DonGiaBan, ThanhTienUSD, ThanhTienVN.

Trong đó:

ThanhTienUSD =SoLuong*DonGiaBan (định dạng $)

ThanhTienVN = ThanhTienUSD * Tỉ giá (định dạng VNĐ)

với Tỉ giá được tính như sau :

- 18780 nếu hóa đơn được lập vào 4 tháng đầu của năm 09.
- 18200 nếu hóa đơn được lập vào 4 tháng kế của năm 09.
- 18500 cho các hóa đơn sau đó.

7. Tạo query thực trả cho từng sản phẩm trong từng hóa đơn, thông tin bao gồm: MaHD, NgayLapHD, TenSP, SoLuong, DonGiaBan, ThanhTien, ThucTra. Khoa Khoa học và Kỹ thuật máy tính Bài tập Access 2010

Trong đó:

- **ThanhTien = SoLuong*DonGiaBan.**
- **ThucTra = ThanhTien+TienThuongPhat.** Trong đó TienThuongPhat được tính như sau:
  - Nếu thời gian từ ngày lập hóa đơn đến ngày nhận hàng dưới 20 ngày thì giảm giá 3 đồng cho một ngày trước mốc thời hạn (20 ngày).
  - Nếu thời gian từ ngày lập hóa đơn đến ngày nhận hàng trong khoảng từ 20 đến 40 ngày thì không tính thưởng phạt.
  - Nếu thời gian từ ngày lập hóa đơn đến ngày nhận hàng trên 40 ngày thì phạt 3 đồng cho một ngày vượt quá mốc thời hạn (40 ngày).

B. SELECT QUERY – DÙNG CHỨC NĂNG TOTAL

Sử dụng cơ sở dữ liệu HOADON để thực hiện các truy vấn sau đây:

1) Tạo query cho xem tổng số lqợng các sản phẩm đã bán. Thông tin bao gồm MaSP, TenSP, DonviTinh, TongSoLuong. Trong đó TongSoLuong là sum của Soluong, kết nhóm theo Masp, TenSP, DonviTinh.

2) Tạo query tính tổng tiền của từng hóa đơn của từng khách hàng.

Thông tin bao gồm MaKH, TenKH, MaHD, TongTienHD (Tổng tiền của từng hóa đơn).

Trong đó: TongTienHD = Sum(SoLuong * DonGiaBan), kết nhóm theo MaKH, TenKH và MaHD.

3) Tính tổng số hoá đơn và tổng tiền của từng khách hàng. Thông tin gồm MaKH, TenKH, TongSoHD, TongTienKH (Tổng tiền của từng khách hàng), kết nhóm theo MaKH, TenKH.Trong đó

TongsoHD = Count([MaHD]).

TongTienKH=sum([TongTienHD])

Với TongTienHD = Sum(SoLuong * DonGiaBan).

Hướng dẫn: Lấy truy vấn ở câu 2 làm dữ liệu nguồn.

4) Cho biết mỗi nhân viên đã lập được bao nhiêu hóa đơn, tổng tiền là bao nhiêu trong quý 1 và quý 2. Thông tin gồm MaNV, HoTenNV, TongSoHD, TongTien. Nhóm theo MaNV, HoTenNV.

Hướng dẫn:

- Tạo một SubQuery gồm các field: MaNV, HoTeNV, MaHD, TongTienHD, với TongTienHD = Sum(SoLuong * DonGiaBan), kết nhóm theo MaNV, HoTeNV và MaHD.
- Tạo query chính lấy SubQuery làm dữ liệu nguồn, gồm các field: MaNV, HoTenNV, TongSoHD, TongTien. Nhóm theo MaNV, HoTenNV.

Trong đó:

Quý :Dùng hàm DatePart(“Q”,[NgaylapHD]).

TongSoHD=Count([MaHD]) .

TongTien=Sum([TongTienHD]).

5) Tạo query tính tổng số hóa đơn, tổng số lượng và tổng tiền của từng sản phẩm, thông tin bao gồm: MaSP, TenSP, TongSoHD, TongSL, TongTien, kết nhóm theo MaSP, TenSP.

Trong đó:

TongSoHD=Count([MaHD])

TongSL=Sum([SoLuong])

TongTien=Sum([SoLuong]*[DonGiaBan])

Sử dụng cơ sở dữ liệu QLSV để thực hiện các truy vấn sau đây:

1) Tạo query tính tổng số sinh viên theo lớp, thông tin bao gồm MaLop, TenLop, GVCN, SiSoLop, trong đó SiSoLop=count([MaSV]), kết nhóm theo MaLop, TenLop, GVCN.

2) Tạo query cho xem điểm trung bình của từng sinh viên, thông tin gồm các Field: MaSV, HoTen, DiemTB, XepLoai.

Trong đó:

DiemTB= Round(Avg(IIf([diemlan1]>nz([diemlan2],0),[diemlan1],[diemlan2])),1)

(Hàm NZ(exp,valueifnull): Chuyển giá trị null thành 0)

XepLoai: Nếu DiemTB >=8, xếp loại Giỏi, 8> DiemTB >=6.5, xếp loại Khá, 6.5> DiemTB>=5, xếp loại Trung bình, Còn lại là loại Yếu, kết nhóm theo MaSV, HoTen.

3) Tạo query để xem danh sách các sinh viên đạt học bổng, với yêu cầu sau: những sinh viên có DiemTB >=8.5 và DiemLan1 của tất cả các môn phải >5 thì đạt học bổng 500000, ngược lại thì học bổng là 0. Cách tính điểm trung bình tương tự câu số 2

4) Tạo query cho biết tổng số sinh viên thi lại theo lớp, thông tin bao gồm MaLop, TenLop, TSSV_thilan2, nhóm theo MaLop, TenLop.

5) Tạo query cho biết tổng số sinh viên thi lại theo môn học, thông tin bao gồm MaMH, TenMH, TSSV_thilan2, nhóm theo MaMH, TenMH.

Bài tập thực hành 05: Truy vấn dữ liệu (tiếp theo)

Query tham số, Find Duplicate Query, UnMatchedQuery, Crosstab query và Action query.

I) QUERY THAM SỐ

Sử dụng cơ sở dữ liệu **HOADON** để thực hiện các truy vấn sau đây:

1. Tạo query cho xem danh sách các sản phẩm được bán trong 1 ngày tùy ý. Thông tin gồm: TenSP, Ngaylaphd,TongSoluong, TongTien.

2. Tạo query cho xem danh sách các sản phẩm đã bán trong một khoảng thời gian tùy ý, thông tin gồm: TenSP, NgayLapHD, TongSoluong, TongTien.

3. Tạo query cho xem tổng số lượng đã bán của 1 sản phẩm tùy ý. Thông tin gồm các field: MaSP, TenSP, TongSL

4. Tạo query cho xem thông tin về các khách hàng ở 1 quận tùy ý. Thông tin gồm MaKH, TenKH, DiaChiKH, DienThoai

Sử dụng cơ sở dữ liệu QLSV để thực hiện các truy vấn sau đây:

1. Tạo query cho xem danh sách các sinh viên thuộc lớp tùy ý gồm các field MaSV, HoTen, Phai, NgaySinh, DiaChi.

2. Tạo query để xem điểm của một sinh viên tùy ý gồm các thông tin: MaSV, HoTen, DiemLan1, DiemLan2

3. Hiển thị bảng điểm của các sinh viên đạt yêu cầu (DiemLan1>=5) của một môn học tùy ý, thông tin gồm MaSV, HoTen, MaLop, TenMH.

II) CÁC QUERY THỰC HIỆN BẰNG CHỨC NĂNG WIZARD

Sử dụng cơ sở dữ liệu HOADON để thực hiện các truy vấn sau đây:

Dùng chức năng UnMatched Query

1. Tạo query để xem danh sách sản phẩm chưa từng được lập hóa đơn.

2. Tạo query để xem danh sách các nhân viên chqa tham gia lập hóa đơn.

3. Tạo query để xem danh sách các khách hàng chqa từng lập hóa đơn.

Dùng chức năng Find Duplicate Query

1. Tạo query để xem danh sách các nhân viên có cùng ngày sinh

2. Tạo query để xem danh sách các hóa đơn lập trong cùng một ngày

Sử dụng cơ sở dữ liệu QLSV để thực hiện các truy vấn sau đây:

Dùng chức năng UnMatched Query

1. Liệt kê danh sách những sinh viên chưa thi môn nào.

2. Liệt kê danh sách các môn học mà sinh viên chưa thi.

Dùng chức năng Find Duplicate Query

1. Liệt kê các sinh viên có trùng ngày sinh

2. Liệt kê các sinh viên có trùng tên.

III) CROSSTAB QUERY:

Sử dụng cơ sở dữ liệu HOADON để thực hiện các truy vấn sau đây:

1. Thống kê tổng số lượng của từng sản phẩm ứng với từng khách hàng
2. Thống kê tổng tiền của mỗi nhân viên trong mỗi tháng
3. Thống kê tổng số lượng của từng sản phẩm đã bán trong từng quý
4. Thống kê số luợng cao nhất của từng sản phẩm trong từng tháng.
5. Thống kê tổng số hóa đơn của từng nhân viên trong từng tháng.
6. Thống kê số lượng trung bình của từng sản phẩm đã bán trong từng quý.

Sử dụng cơ sở dữ liệu QLSV để thực hiện các truy vấn sau đây:

1. Thống kê số sinh viên giỏi, khá, trung bình, yếu theo từng lớp.
2. Thống kê tổng số sinh viên đạt và không đạt ứng với từng môn học. trong đó nếu điểm thi lần 1 >=5 thì đạt, ngɑợc lại là không đạt.
3. Cho xem điểm cao nhất của từng môn theo từng lớp.
4. Thống kê tổng số sinh viên nam và nữ theo từng lớp.

IV) ACTION QUERY

A. Update query

Sử dụng cơ sở dữ liệu HOADON

1) Dùng Update query để tăng đơn giá của các sản phẩm lên 1%. Khoa Khoa học và là "Chai"

3) Dùng Update query để đổi thành phố "Tp. HCM" thành "Sài gòn" trong table KhachHang.

4) Dùng Update query để cập nhật đơn giá trong ChiTietHD bằng đơn giá trong SanPham.

B. Make table query

Sử dụng cơ sở dữ liệu HOADON

1) Dùng Make-Table Query, để tạo ra bảng HDLUU2009 gồm các field MaHD, MaNV, NgayLapHD, NgayGiaoHang, ThanhTienUSD, chứa các hoá đơn có tháng lập hóa đơn là tháng 1,2,3/2009 .

2) Tạo bảng KHQ5 từ bảng khách hàng chứa thông tin các khách hàng ở Q5

3) Tạo bảng HD_HUNSAN chứa thông tin về các hóa đơn đã lập cho khách hàng HUNSAN trong quý 1

4) Tạo ra bảng LUONGNV gồm các cột MaNV, HoTen, Thang, Luong. Trong đó

- Field Tháng là chuỗi gồm tháng ghép với năm của tháng tính lương. Ví dụ: tháng tính lương là 2 và năm tính là 2009 thì kết quả của field tháng là "2/2009"

- Truy vấn có 2 tham số để nhập tháng và năm tính lương.
- Luong = 1% của tổng doanh thu của nhân viên trong tháng tính lương.

Sử dụng cơ sở dữ liệu QLSV

1. Dùng Make table Query, để tạo ra bảng SV_Dat chứa các sinh viên không thi lần 2, gồm các Field Masv, hoten, tenlop, tenmh, DiemLan1

2. Dùng Make table Query, để tạo ra bảng SV_HocBong gồm các Field Masv, hoten, phai, malop, hocbong. Trong đó học bổng được tính như sau: Những sinh viên có trung bình của DiemLan1 >=8.5 và không có DiemLan1 nào <5 thì được học bổng 500000, ngược lại thì không có học bổng.

C. Append query

1) Tạo một Append query để thêm các hóa đơn tháng 4,5,6/2009 vào bảng DLUU2009.

2) Dùng Append query nối thêm các khách hàng ở các quận 1, 3 vào bảng KHQ5

3) Dùng Append query nối thêm các hóa đơn của khách hàng HUNSAN trong quý 2 vào bảng HD_HUNSAN.

4) Dùng Append query để nối thêm lqơng của các nhân viên của một tháng tùy ý vào bảng LUONGNV.

D. DELETE QUERY

1. Tạo Query xóa các khách hàng ở Q5 trong bảng KHQ5.

2. Tạo một Delete Query dùng để xóa mẫu tin lương trong bảng LUONGNV của một tháng tùy ý.

Bài tập thực hành 06: Thiết kế báo biểu

Sử dụng Toolbox, kết hợp thiết kế form bằng các cách: AutoForm, Wizard, và Design để thiết kế các form cơ bản và dạng form Main – sub.

Sử dụng cơ sở dữ liệu HOADON

1. Dùng Form wizard tạo form Thông tin Nhân viên dạng columnar theo mẫu sau:

Yêu cầu:

a. Chọn Theme tùy ý cho form (HD: Mở form ở chế độ Design, click nút Theme - chọn Mẫu tùy ý)

b. Mở form ở chế độ Form View , thực hiện các thao tác trên form:

- Duyệt record : Dùng thanh Navigation
- Tìm kiếm /Lọc (theo địa chỉ, điện thoại,…)
- Thêm mới record , hiệu chỉnh record , xoá record.

2. Sử dụng AutoForm để tạo form dạng columnar, tabular, datasheet cho bảng KHACHHANG, quan sát sự khác nhau giữa các dạng form.

3. Tạo form Danh sách

Nhân viên bằng Design (sử dụng field list hoặc dùng textbox và label trên toolbox).

Hiệu chỉnh các thuộc tính:

- Default view: continuous form
- Dividing lines: yes

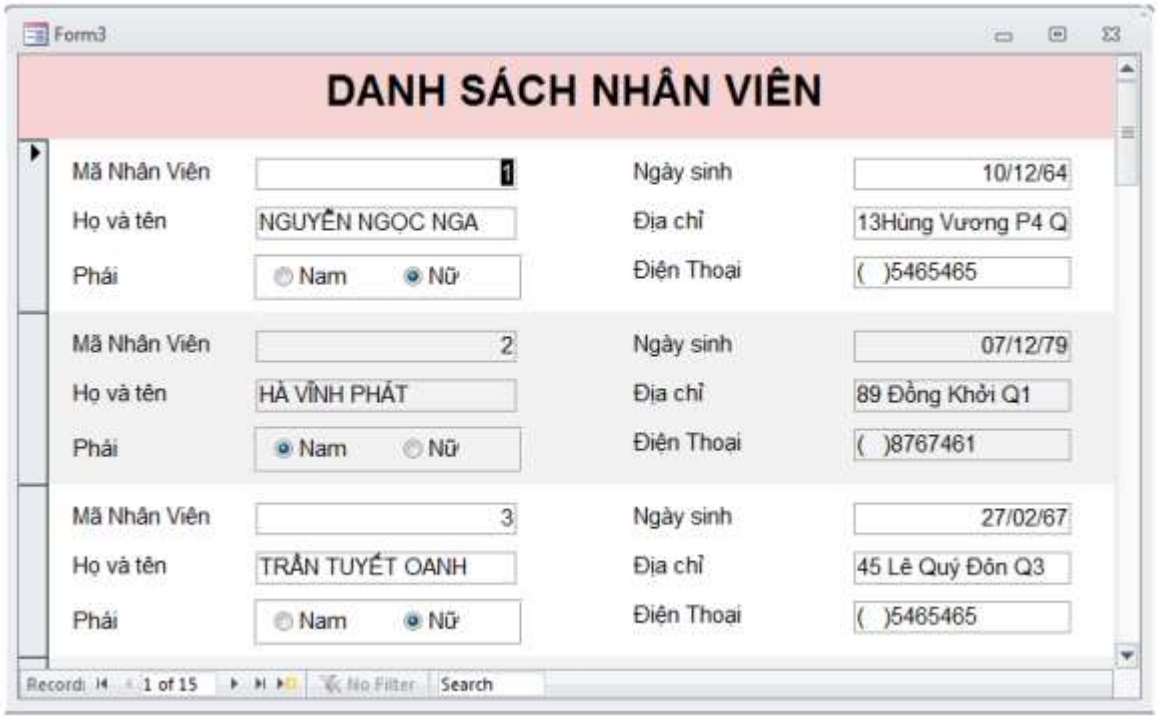

4. Tạo form HOADON bằng Design sử dụng combo box để trình bày dữ liệu các field khóa ngoại MaNV, MaKH.

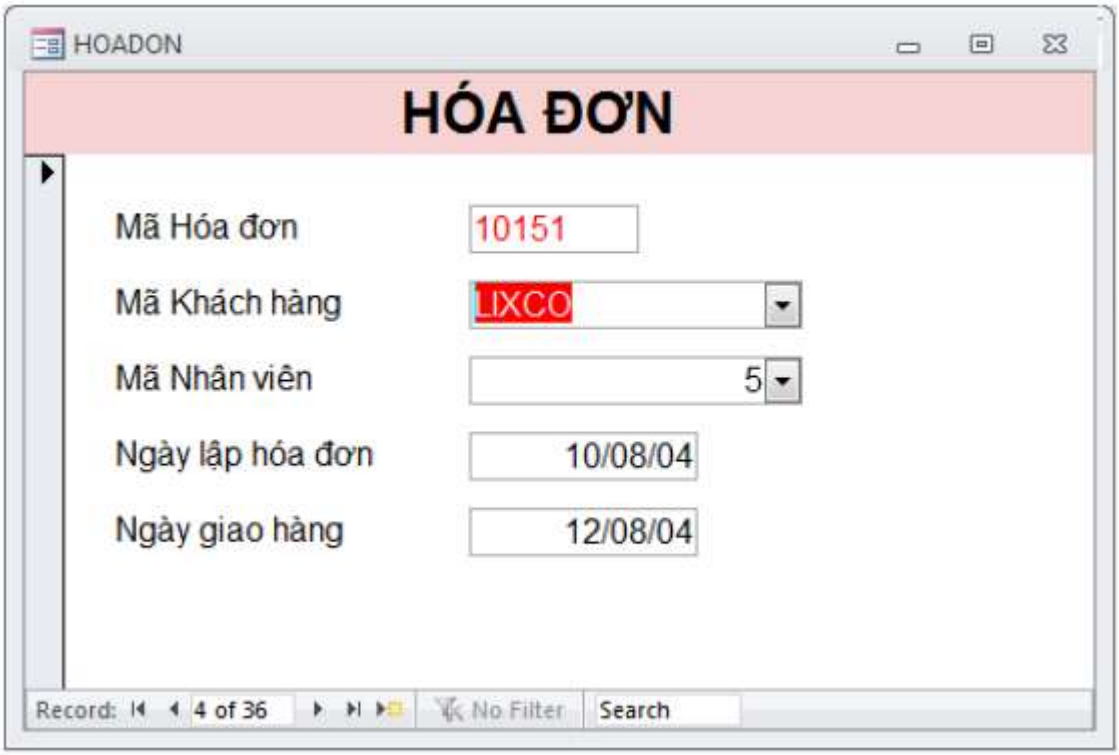

5. Tạo form sử dụng Crosstab Query làm dữ liệu nguồn cho form thể hiện thống kê số lượng của từng sản đã bán theo từng quí, thiết kế form bằng wizard, chọn dạng

tabular, sử dụng Textbox control hiển thị kết quả tính toán.

- Màn hình kết quả

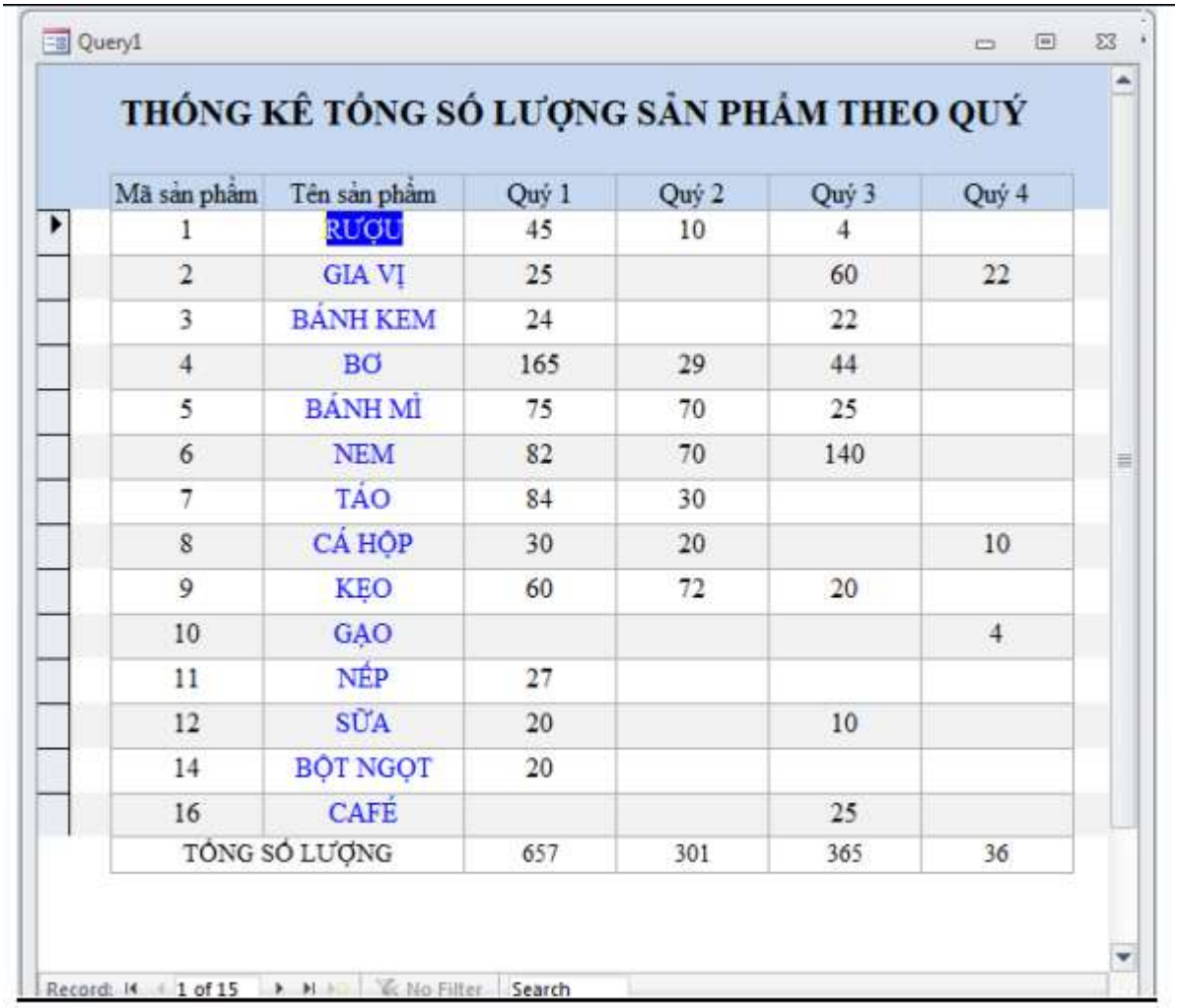

Query1

THỐNG KÊ TỔNG SỐ LƯỢNG SẢN PHẨM THEO QUÝ

Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Quý 1	Quý 2	Quý 3	Quý 4
1	RƯỢU	45	10	4	
2	GIA VỊ	25		60	22
3	BÁNH KEM	24		22	
4	BƠ	165	29	44	
5	BÁNH MÌ	75	70	25	
6	NEM	82	70	140	
7	TÁO	84	30		
8	CÁ HỘP	30	20		10
9	KẸO	60	72	20	
10	GẠO				4
11	NẾP	27			
12	SỮA	20		10	
14	BỘT NGỌT	20			
16	CAFÉ			25	
TỔNG SỐ LƯỢNG		657	301	365	36

Record: 1 of 15 No Filter Search

6. Tạo Form dạng Main_Sub bằng design như mẫu trong đó:
   - Main form chứa thông tin về các hóa đơn, form có dạng columnar
   - Subform chứa thông tin về các sản phẩm của từng hóa đơn, dữ liệu nguồn của subform phải chứa field liên kết với main form là MAHD, subform có dạng tabular.

7. Thiết kế form dạng main_sub form

Tạo Form theo mẫu sau : (làm bằng 2 cách : Design và wizard)

- Main form chứa thông tin của khách hàng, dữ liệu nguồn của main form là table
- KHACHHANG, dạng form là columnar
- Sub form chứa thông tin về các sản phẩm của từng khách hàng trên main form, dữ liệu nguồn phải chứa field liên kết là MAKH, form có dạng datasheet
- Lưu ý: Đối với form có dạng Datasheet thì những nội dung nằm trong phần footer sẽ không hiển thị trên form ở chế độ Form View, do đó khi tạo ô tổng tiền trong phần Form footer xong ta phải tạo một textbox trên main form sau đó dùng công thức:

  TenSubForm.Form! TenODulieu để truyền dữ liệu trong ô tổng ra main form

Màn hình thiết kế:

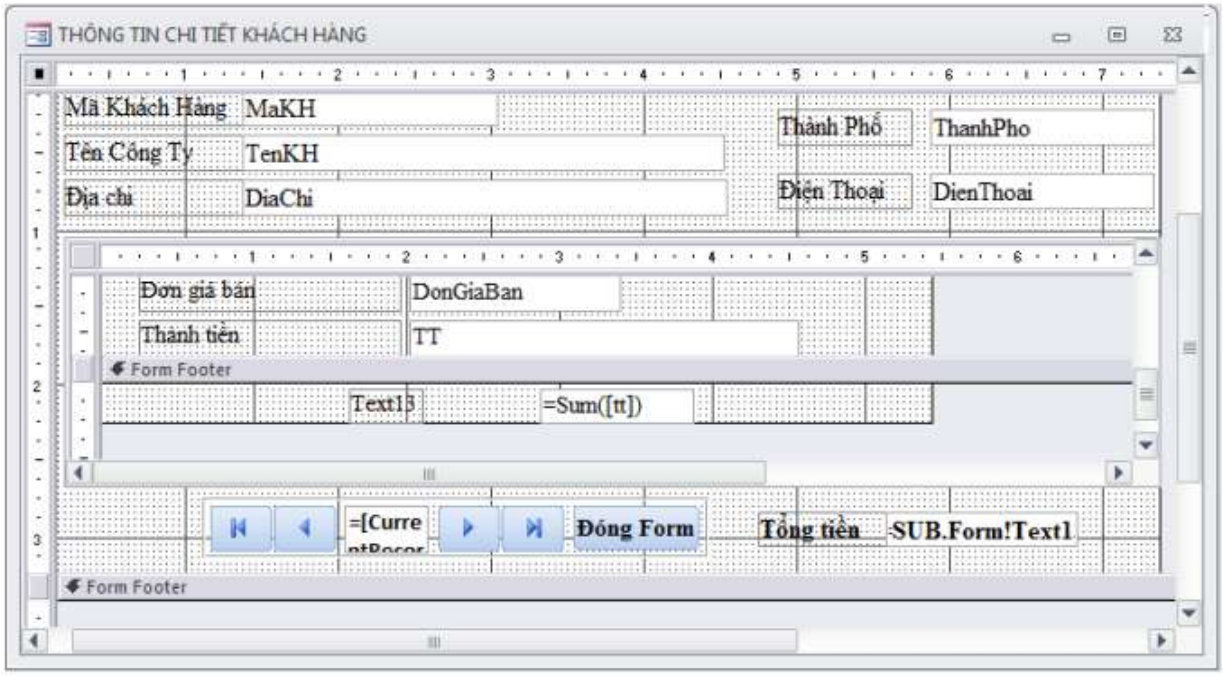

Sử dụng cơ sở dữ liệu QLSV

1. Tạo form bằng chức năng Auto, lấy dữ liệu nguồn từ bảng LOP, form sẽ hiển thị danh sách các record quan hệ của bảng lớp dạng subform.

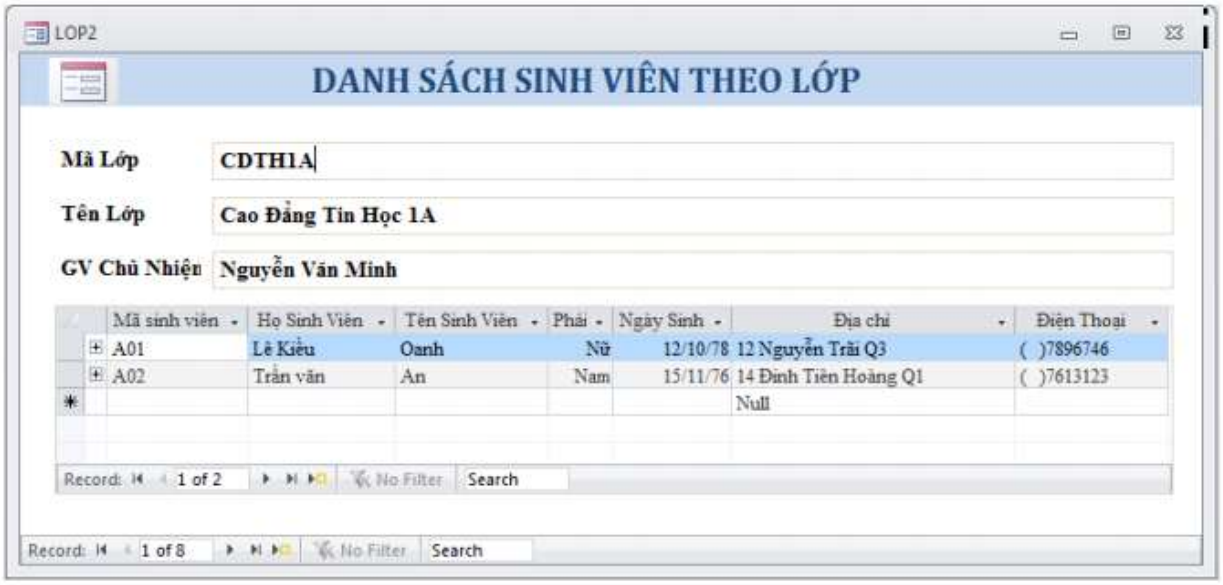

2. Thiết kế form có dạng sau:
   - Main form chứa thông tin về lớp và tổng số sinh viên của lớp
   - Subform chứa danh sách các sinh viên của từng lớp
   - Nút đóng form thiết kế bằng wizard, dùng để đóng form

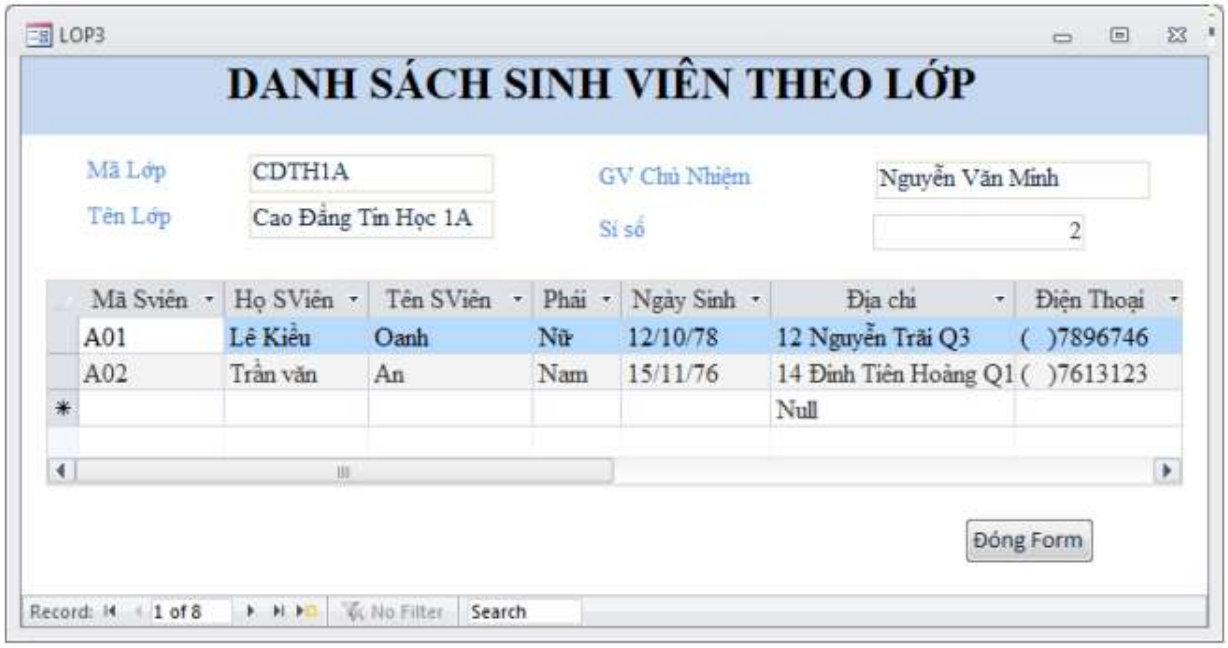

3. Thiết kế form thông tin sinh viên có dạng sau:
   - Main form chứa thông tin sinh viên, field Phai dùng công cụ Option Group
   - Subform chứa thông tin điểm của tất cả các môn học của sinh viên đó
   - Trung bình: Round(Avg(IIf([diemlan1]>nz([diemlan2],0),[diemlan1],[diemlan2])),1)
   - Xếp loại dựa vào điểm trung bình tính như trong phần query

msv
THÔNG TIN ĐIỂM CỦA SINH VIÊN
Mã sinh viên
A01
Họ và tên
Lê Kiều Oanh
Ngày Sinh
12/10/78
Phái
Nam
Nữ
Địa chỉ
12 Nguyễn Trãi Q3
Điện Thoại
( )7896746
Đóng Form
Mã Môn học
Tên Môn học
Điểm lần 1
Điểm Lần 2
Điểm KQ
CSDL
Cơ Sở Dữ Liệu
7
7
CTDL
Cấu Trúc Dữ Liệu
5
5
PPLT
Phương Pháp Lập Trình
8
8
JAVA
Lập trình JAVA
3
5
5
PTWB
Phát triển Web
5
5
TRR
Toán Rời Rạc
7
7
CTR
Chính trị
6
6
Điểm trung bình
6.1
Xếp loại
Trung bình
Record:
1 of 21
No Filter
Search

Bài tập thực hành 07: Thiết kế form nâng cao

Hãy tạo Form theo mẫu dưới đây: Main form chứa 1combobox để khi chọn mã sản phẩm từ Combo Box thì sẽ hiển thị các thông tin tương ứng trong Subform.

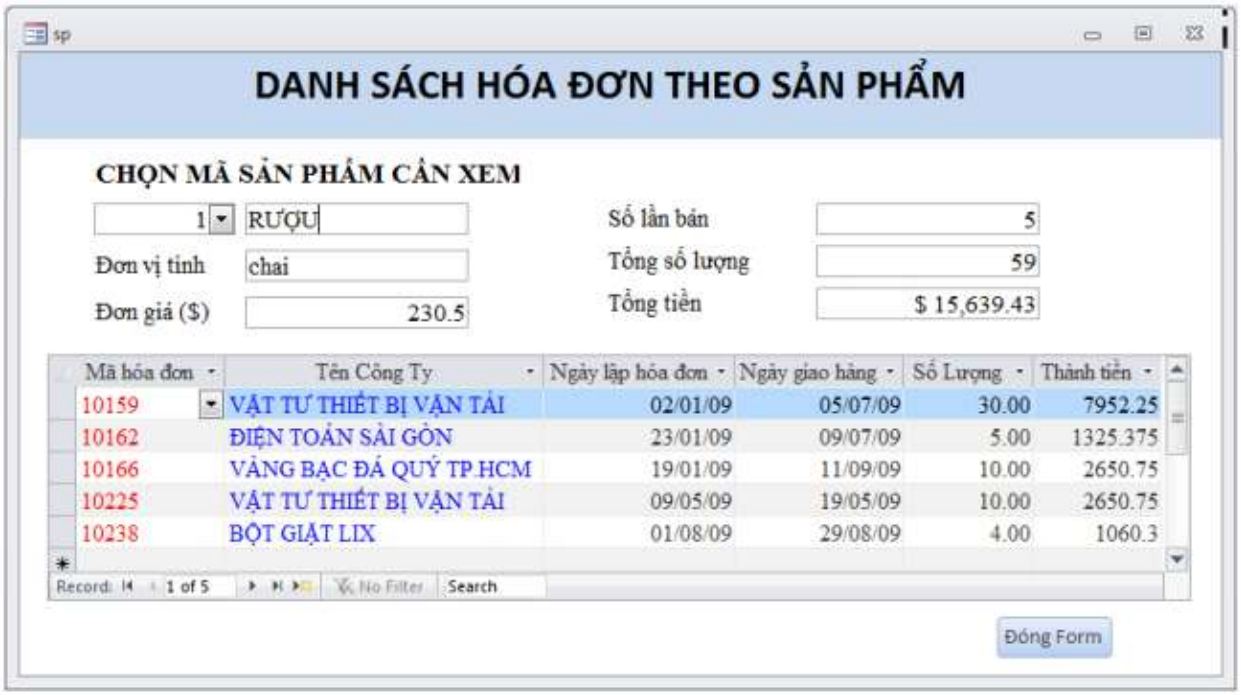

Màn hình thiết kế:

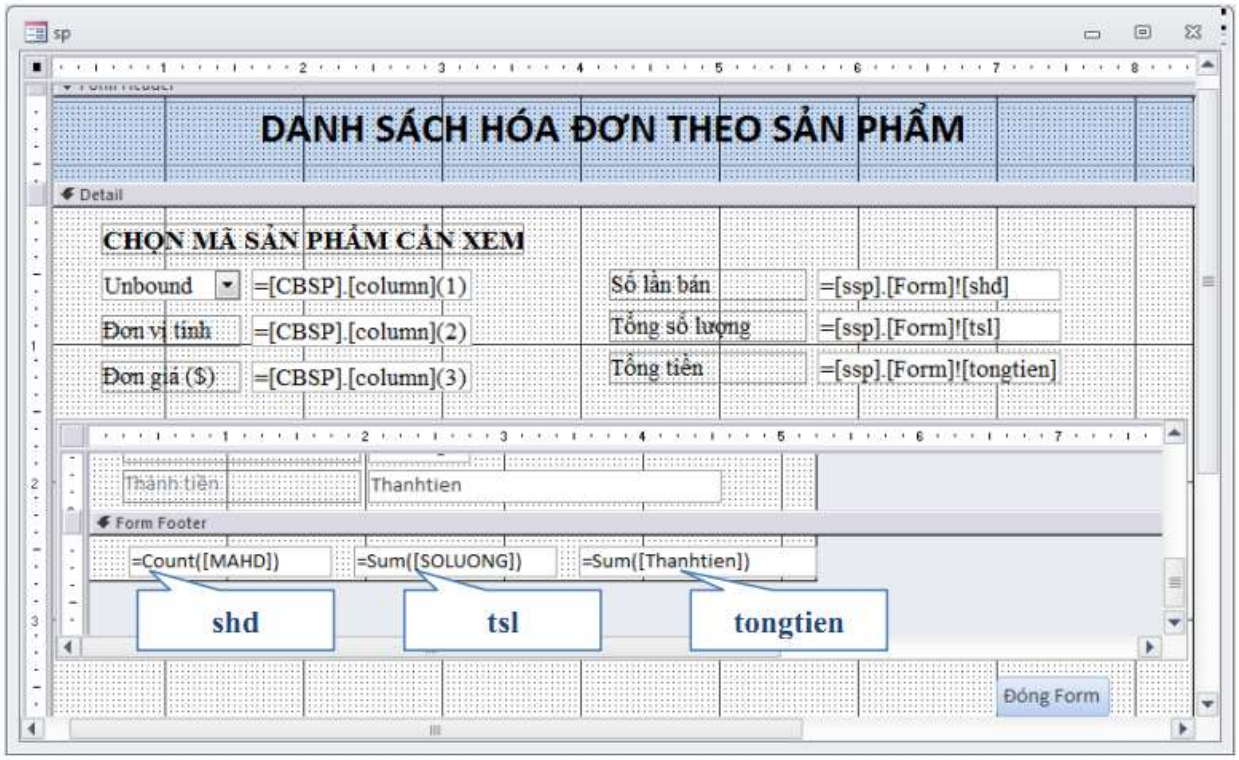

2. Form dạng Main form có 2 Subform :

Tạo form có dạng như sau: (thực hiện bằng wizard và design)

- Main form chứa thông tin khách hàng
- Subform1 chứa các hóa đơn của khách hàng trong mainform
- Subform2 chứa danh sách các sản phẩm của từng hóa đơn trong subform1

Yêu cầu:

- Form cho phép nhập thêm một khách hàng mới.
- Ứng với mỗi khách hàng, subform1 cho phép nhập thêm các hóa đơn.
- Ứng với mỗi hóa đơn trong subform1, cho phép nhập các sản phẩm và số lượng của sản phẩm trong từng hóa đơn trong subform2.
- Form sẽ tính thành tiền của từng sản phẩm theo đơn vị tiền tệ là $
- Tính tổng tiền của tất cả các hóa đơn theo đơn vị tiền tệ là vnđ.

3. Thiết kế form Main-sub, gồm 2 Subform đặt trong tabControl như mẫu:

4. Tạo Form theo mẫu dưới đây : khi chọn mã nhân viên từ Combo box thì trong trang chi tiết hóa đơn sẽ hiển thị các hoá đơn do nhân viên này lập. Khi Click vào trang thông tin nhân viên thì hiển thị các thông tin của nhân viên này.

5. Dùng cơ sở dữ liệu QLSV, thiết kế form theo mẫu dưới đây với yêu cầu sau:

- Main form chứa combobox chọn mã lớp.
- Subform1 hiển thị danh sách sinh viên của lớp được chọn.
- Subform2 hiển thị điểm của từng sinh viên trong subform1, và thông tin điểm trung bình, xếp loại.

Bài tập thực hành 08: Thiết kế báo cáo

Sử dụng Toolbox, kết hợp thiết kế Report bằng các cách: AutoReport, Wizard.

1. Tạo 1 Report để in Bảng Báo Giá theo mẫu sau. Sử dụng lần lượt các công cụ sau

- Report Wizard dạng Tabular
- AutoReport Tabular

Mẫu Report_1

BẢNG BÁO GIÁ

Số thứ tự	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá
1	1	RƯỢU	CHAI	$230.50
2	2	GIA VỊ	THÙNG	$40.00
3	3	BÁNH KEM	CÁI	$2.00
4	4	BƠ	KG	$15.00
5	5	BÁNH MÌ	CÁI	$1.00
6	6	NEM	KG	$10.00
7	7	TÁO	KG	$5.00
8	8	CÁ HỘP	THÙNG	$62.50
9	9	KẸO	THÙNG	$12.00
10	10	GẠO	KG	$2.00
11	11	NẾP	KG	$3.00
12	12	SỮA	HỘP	$20.00
13	13	BIA	THÙNG	$25.00
14	14	BỘT NGỌT	KG	$5.00
15	15	ĐƯỜNG	KG	$2.00
16	16	CAFÉ	HỘP	$20.00
17	17	DẦU ĂN	THÙNG	$25.00
18	18	THỊT HỘP	THÙNG	$120.00
19	19	TRỨNG	THÙNG	$55.00
20	20	THỊT NGUỘI	KG	$50.00

Saturday, January 01, 2011 Page 1 of 1

2. Tạo report in ra Hoá đơn bán hàng , theo 2 cách sau:

- Tạo bằng Wizard.
- Tạo bằng Design sử dụng phân nhóm và Main/Sub

Hướng dẫn : Tạo bằng Design

a. Phân nhóm :

- Tạo query làm nguồn cho Report chứa tất cả các field có trong Report.

- Chọn Report – New - Design View - Chọn nguồn dữ liệu cho report là Query vừa tạo.
- Click menu View - Chọn Sortting and Groupping, Chọn Field Mahd làm phân nhóm
- Kéo các Field Mahd, Makh, Tenkh, NgayLaphd, NgayGiaoNhanHang vào Mahd Header
- Kéo các Field Tensp, DonVitinh, Soluong, DonGiaBan, Thanhtien vào Detail.
- Tạo Số thứ tự.
- Tạo một Text box để tính tổng trị giá.

b. Main/Sub :

- Main report chứa chi tiết hoá đơn gồm các Field: MaHD, TenKH, DiaChi, DienThoai, NgayLapHD, NgayGiaoHang) kết nhóm theo MaHD.
- Subreport chứa thông tin chi tiết của hóa đơn, gồm các Field: MaSP, TenSP,
- SoLuong, DonGia, ThanhTien. Field liên kết giữa Main Report và Sub Report là MaHD

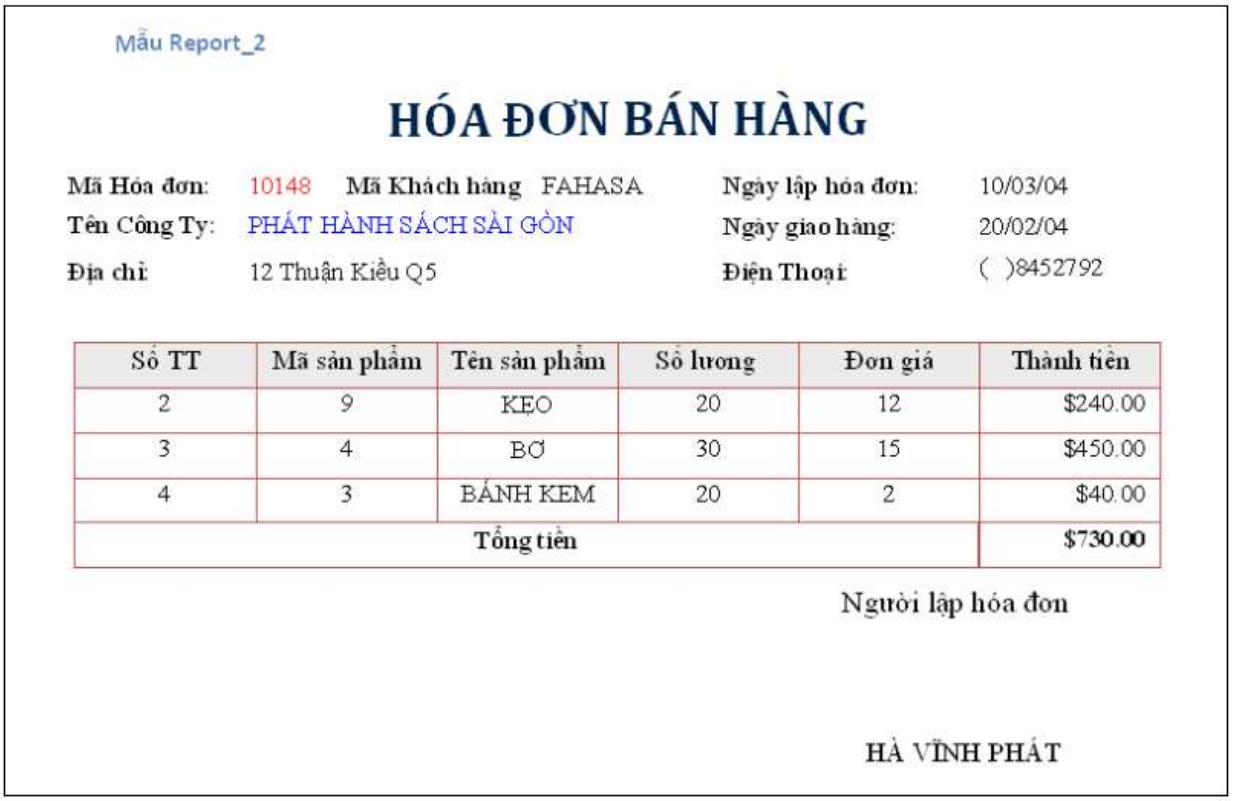
Mẫu Report_2

HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

Mã Hóa đơn: 10148 **Mã Khách hàng** FAHASA **Ngày lập hóa đơn:** 10/03/04

Tên Công Ty: PHÁT HÀNH SÁCH SÀI GÒN **Ngày giao hàng:** 20/02/04

Địa chỉ: 12 Thuận Kiều Q5 **Điện Thoại:** ( )8452792

Số TT	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
2	9	KẸO	20	12	$240.00
3	4	BƠ	30	15	$450.00
4	3	BÁNH KEM	20	2	$40.00
Tổng tiền					**$730.00**

Người lập hóa đơn

HÀ VĨNH PHÁT

3. Tạo report Báo cáo Bán hàng1 theo mẫu với yêu cầu như sau:
   - Report kết nhóm theo ngày lập hóa đơn
   - Report có tham số là quý, khi xem báo cáo bán hàng thì ngqời dùng phải nhập quý cần xem.
   - Tính tổng trị giá cho toàn bộ report theo quý do ngqời dùng nhập vào.

Mẫu Report_3

BÁO CÁO BÁN HÀNG

Quý 3

Tổng trị giá $ 7,780.90

Ngày lập hóa đơn	Mã hóa đơn	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá bán	Thành tiền
10/07/09							
	10214	16	CAFÉ	HỘP	10.00	$ 23.00	$ 230.00
				Tổng tiền			$ 230.00
01/08/09							
	10238	3	BÁNH KEM	CÁI	12.00	$ 2.30	$ 27.60
	10238	2	GIA VỊ	THÙNG	10.00	$ 46.00	$ 460.00
	10238	1	RƯỢU	CHAI	4.00	$ 265.08	$ 1,060.30
	10238	9	KẸO	THÙNG	20.00	$ 13.80	$ 276.00
				Tổng tiền			$ 1,823.90
09/08/09							
	10151	3	BÁNH KEM	CÁI	10.00	$ 2.30	$ 23.00
	10151	2	GIA VỊ	THÙNG	20.00	$ 46.00	$ 920.00
	10151	4	BƠ	KG	23.00	$ 17.25	$ 396.75
				Tổng tiền			$ 1,339.75
11/08/09							
	10172	5	BÁNH MÌ	CÁI	25.00	$ 1.15	$ 28.75
				Tổng tiền			$ 28.75

4. Thiết kế report để xem các hóa đơn của từng khách hàng theo từng sản phẩm với yêu cầu sau:

- Report kết nhóm theo sản phẩm và theo khách hàng
- Tính tổng tiền cho từng khách hàng
- Ngắt trang theo sản phẩm

Mẫu report_4

XEM HÓA ĐƠN KHÁCH HÀNG THEO SẢN PHẨM

Mã sản phẩm 1
Tên sản phẩm RƯỢU
Đơn vị tính CHAI
Đơn giá $230.50

Tên khách hàng BỘT GIẶT LIX

Mã hóa đơn	Ngày lập hóa đơn	Ngày giao hàng	Số Lượng	Thành tiền
10238	02/08/04	30/08/04	4.00	1060.3
	Tổng cộng		4.00	1060.3

Tên khách hàng ĐIỆN TOÁN SÀI GÒN

Mã hóa đơn	Ngày lập hóa đơn	Ngày giao hàng	Số Lượng	Thành tiền
10162	25/01/04	10/07/04	5.00	1325.375
	Tổng cộng		5.00	1325.375

Tên khách hàng VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ TP HCM

Mã hóa đơn	Ngày lập hóa đơn	Ngày giao hàng	Số Lượng	Thành tiền
10166	21/01/04	12/09/04	10.00	2650.75
	Tổng cộng		10.00	2650.75

Tên khách hàng VẬT TƯ THIẾT BỊ VẬN TẢI

Mã hóa đơn	Ngày lập hóa đơn	Ngày giao hàng	Số Lượng	Thành tiền
10159	04/01/04	06/07/04	30.00	7952.25
10225	10/05/04	20/05/04	10.00	2650.75
	Tổng cộng		40.00	10603

5. Mở cơ sở dữ liệu QLSV, thiết kế report danh sách SV theo lớp, kết nhóm theo lớp

Mẫu Report_5

DANH SÁCH SINH VIÊN THEO LỚP

Mã Lớp CDTH2B **Giáo viên chủ nhiệm** Nguyễn Văn Tùng
Tên Lớp Cao Đẳng Tin Học 2B **Si số** 3

Mã SV	Họ tên SViên	Phái	Ngày Sinh	Địa chỉ	Điện Thoại
B05	Nguyễn Thanh Tâm	Nam	05/07/81	45 Lê Quang Định BT	( )8231312
B04	Phạm văn Hùng	Nam	09/04/79	50 Nguyễn Kiệm PN	( )9541312
B03	Lê Vĩnh Phúc	Nam	01/04/80	12 Phan văn Trị GV	

6. Dùng cơ sở dữ liệu QLSV để thiết kế report theo mẫu với các yêu cầu như sau:

- Kết nhóm theo sinh viên
- Điểm kết quả là điểm cao nhất của điểm lần 1 và điểm lần 2, nếu không thi lần 2
- thì điểm kết quả là điểm lần 1.
- Điểm trung bình dựa vào điểm kết quả
- Xếp loại dựa vào điểm trung bình, cách xếp loại giống như trong query

Mẫu Report_6

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Mã sinh viên B01 **Mã lớp** CDTH1B

Họ tên Lê Bá Hải

Số TT	Mã môn học	Tên môn học	Điểm lần 1	Điểm lần 2	Điểm kết quả
1	PPLT	Phương Pháp Lập Trình	4	4	4
2	PTWB	Phát triển Web	10		10
3	CTR	Chính trị	3	1	3
4	TRR	Toán Rời Rạc	5		5
Điểm trung bình					5.5
Xếp loại					Trung bình

Bài tập thực hành 09: Macro.

1. Tạo Form theo mẫu sau, các nút lệnh sử dụng macro.

Yêu cầu:

- Các nút mũi tên: Duyệt các mẫu tin First, Next, Previous, Last.
- Khi click nút Previous, nếu record hiện hành là record First thì chương trình thông báo đây là record đầu tiên.
- Khi click nút Next, nếu record hiện hành là record Last thì chương trình thông báo đây là record cuối.
- Nút Thêm: Thêm vào một hoá đơn mới.
- Nếu thêm trùng khóa thì chương trình thông báo trùng khóa và yêu cầu nhập lại.
- Nút Xem Chi Tiết Hoá Đơn: Mở Form Thông tin chi tiết Hóa Đơn.
- Nút In mở Report Hoá Đơn Bán Hàng (Mẫu Report_2) có MaHD bằng với MaHD hiện hành trên form HOADON.
- Nút Tìm: Tìm một hóa đơn tùy ý.
- Nút Xóa: Xoá hoá đơn hiện hành (với điều kiện hóa đơn này chưa có record quan hệ trong bảng CTHD), trước khi xoá hiện hộp thoại hỏi người sử dụng có muốn xóa hay không? Nếu chọn Yes thì mới xóa.
- Nút Thoát : Đóng Form

2. Tạo Form điều khiển theo mẫu:

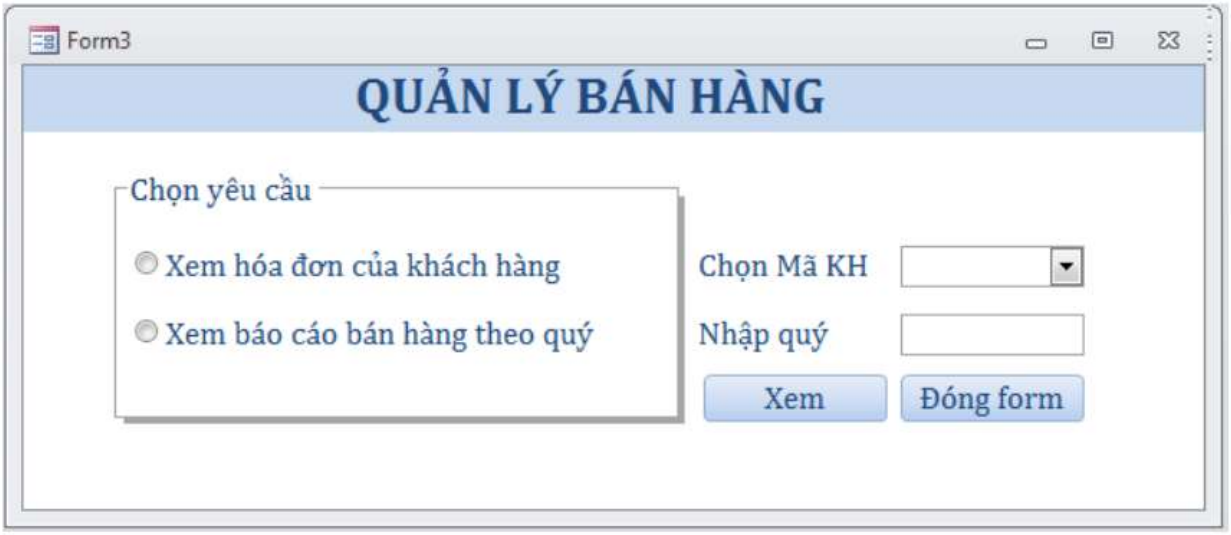

Yêu cầu:

- Khi chọn mục Xem Hóa đơn của khách hàng thì combobox Mã KH sáng đồng thời ô nhập quý sẽ mờ, người dùng chọn Mã KH trong Combobox và click nút Xem thì chương trình sẽ mở Mẫu Report _8, nhqng chỉ của khách hàng có Mã KH bằng với Mã KH được chọn trong Combobox MaKH. Nếu không chọn MaKH thì chương trình đưa ra thông báo yêu cầu chọn MaKH.

Mẫu Report_7

DANH SÁCH HÓA ĐƠN CỦA TỪNG KHÁCH HÀNG

Mã Khách Hàng BSCO
Tên Công Ty CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐT&PT
Địa chỉ 146 Nguyễn Công Trứ Q1
Điện Thoại ( )8218508
Thành Phố TP.HCM

Số thứ tự	Mã hóa đơn	Tên sản phẩm	Số Lượng	Đơn giá bán	Thành tiền
1	10149	CÁ HỘP	10.00	$ 71.88	$ 718.75
2	10152	TÁO	22.00	$ 5.75	$ 126.50
3	10152	CÁ HỘP	10.00	$ 71.88	$ 718.75
4	10149	GIA VỊ	22.00	$ 46.00	$ 1,012.00
Tổng tiền					$ 2,576.00

- Khi chọn mục **Xem Báo cáo bán hàng theo quý** thì Combobox Ma KH mờ, ô nhập quý sáng, người dùng nhập quý cần xem và click nút Xem sẽ mở Mẫu report_9. Nếu không nhập quý mà click nút Xem thì chương trình đưa ra thông báo yêu cầu nhập quý và dấu nháy được đưa vào ô nhập quý.

Mẫu Report_8

BÁO CÁO TỔNG HỢP

Quý 1

Tổng trị giá $20,776.48

Ngày lập hóa đơn	Mã hóa đơn	Mã sản phẩm	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Số Lượng	Đơn giá bán	Thành tiền
02/01/09							
	10159	7	TÁO	KG	2.00	$ 5.75	$ 11.50
	10159	1	RƯỢU	CHAI	30.00	$ 265.08	$ 7,952.25
				Tổng tiền			$ 7,963.75
08/01/09							
	10227	12	SỮA	HỘP	20.00	$ 23.00	$ 460.00
	10227	2	GIA VỊ	THÙNG	15.00	$ 46.00	$ 690.00
	10157	3	BÁNH KEM	CÁI	4.00	$ 2.30	$ 9.20
	10157	4	BƠ	KG	50.00	$ 17.25	$ 862.50
	10157	9	KẸO	THÙNG	10.00	$ 13.80	$ 138.00
	10157	11	NẾP	KG	15.00	$ 3.45	$ 51.75
				Tổng tiền			$ 2,211.45
09/01/09							
	10153	4	BƠ	KG	10.00	$ 17.25	$ 172.50
	10153	5	BÁNH MÌ	CÁI	10.00	$ 1.15	$ 11.50
				Tổng tiền			$ 184.00
10/01/09							
	10156	8	CÁ HỘP	THÙNG	20.00	$ 71.88	$ 1,437.50
	10152	8	CÁ HỘP	THÙNG	10.00	$ 71.88	$ 718.75
	10152	7	TÁO	KG	22.00	$ 5.75	$ 126.50
				Tổng tiền			$ 2,282.75

Hướng dẫn cách tạo macro:

Tạo một macro chứa 2 submacro:

− Submacro **anhien**: có tác dụng làm cho combo box MaKH và text box [Quý] ẩn hoặc hiện tùy theo ngqời dùng chọn tùy chọn nào trong option group, macro này gán cho sự kiện After Update của option group.

− Submacro **xem** để mở Report theo yêu cầu.

3. Tạo Form theo mẫu cho phép xem Báo cáo bán hàng theo các lựa chọn sau

- Chọn tất cả: Mở report **Báo cáo tổng hợp**
- Chọn Từ ngày… Đến ngày: Mở Report **Báo cáo tổng hợp** nhqng chỉ mở những report có ngày lập hóa đơn trong khoảng từ ngày và đến ngày được nhập trong Textbox
- Chọn theo Mã hoá đơn: Mở Mẫu Report **Báo cáo tổng hợp**, theo MaHD được chọn trong combobox MaHD.

- Chọn theo Mã sản phẩm: Mở Mẫu Report Report **Báo cáo tổng hợp**, theo MaSP được chọn trong Combobox MaSP.

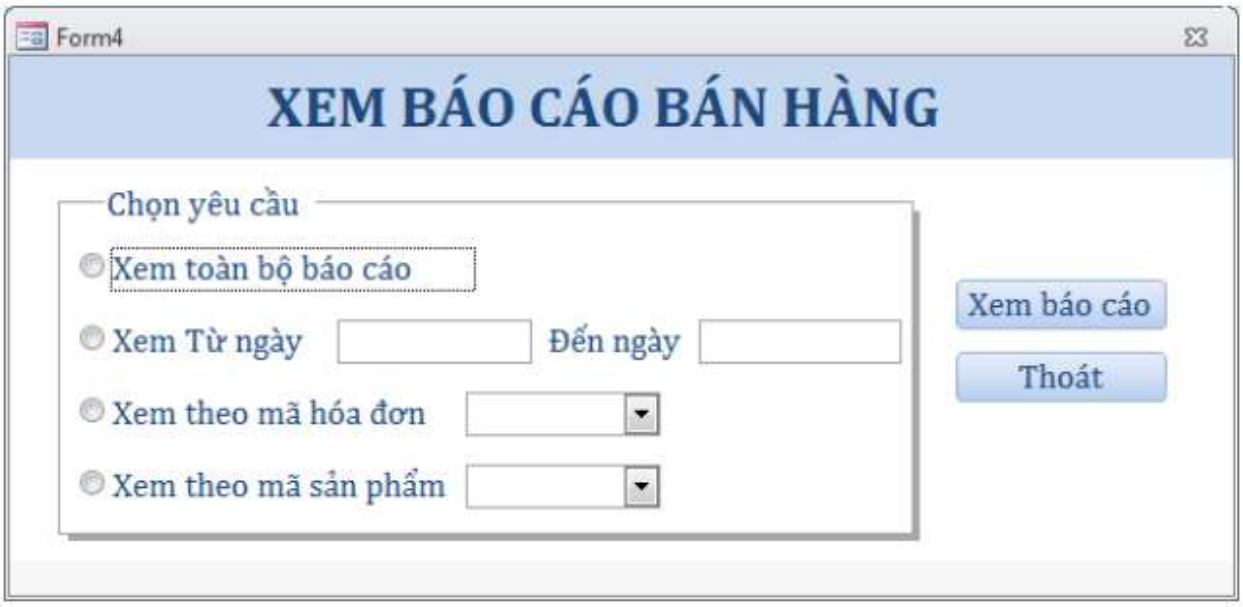

- Khi Click Xem báo cáo sẽ mở các report theo tiêu chuẩn đã xác định trong form. Nếu người dùng không nhập giá trị làm tiêu chuẩn chọn, thì xuất hiện message box thông báo lỗi. Khi chuyển chọn giữa các nút chọn trong form , có sự chuyển trạng thái cho phép hoặc không cho phép của các mục chọn.

4. Tạo form nhập điểm sinh viên như mẫu, với yêu cầu như sau:
   - Khi chọn MaLop thì trong combobox Masv chỉ xuất hiện những sinh viên của lớp được chọn trong combobox MaLop
   - SubForm cho phép nhập điểm của từng môn học cho sinh viên, nếu cùng một sinh viên mà tên môn học trùng thì chqương trình thông báo trùng khóa và yêu cầu nhập lại.

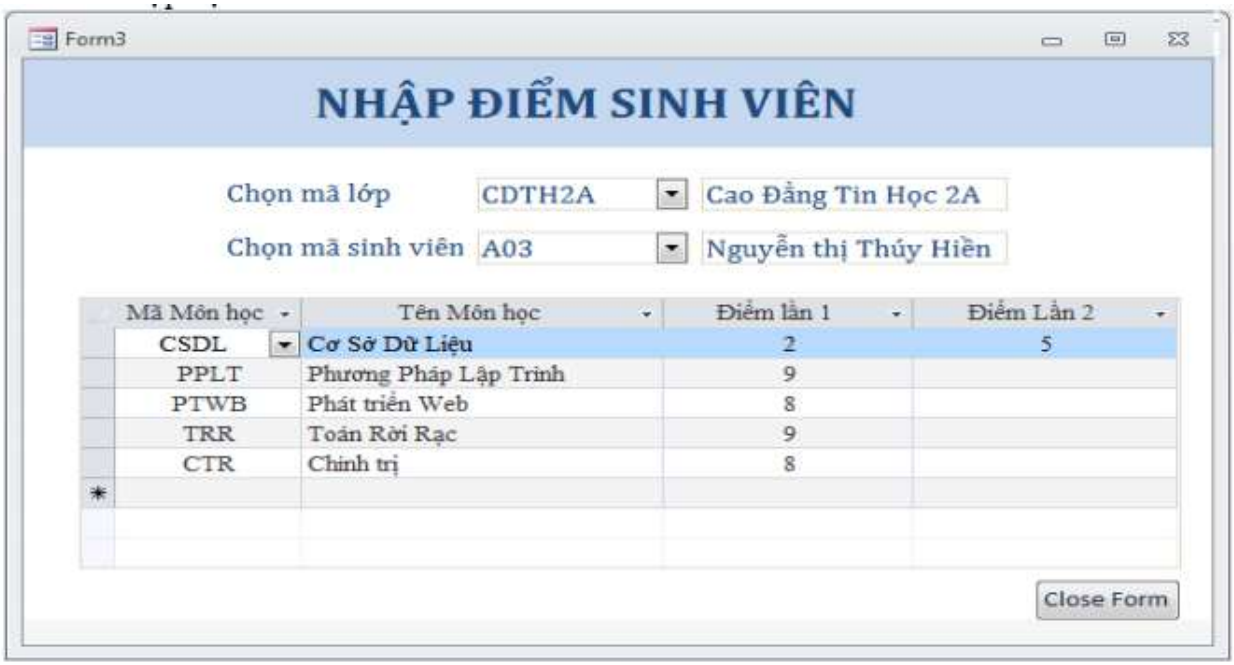
Form3
NHẬP ĐIỂM SINH VIÊN
Chọn mã lớp
CDTH2A
Cao Đẳng Tin Học 2A
Chọn mã sinh viên
A03
Nguyễn thị Thúy Hiền
Mã Môn học
Tên Môn học
Điểm lần 1
Điểm Lần 2
CSDL
Cơ Sở Dữ Liệu
2
5
PPLT
Phương Pháp Lập Trình
9
PTWB
Phát triển Web
8
TRR
Toán Rời Rạc
9
CTR
Chính trị
8
Close Form

Bài tập thực hành 10. Module

1) Viết thủ tục để người dùng nhập vào hai chuỗi bất kỳ - Dùng hộp thông báo in ra chuỗi thứ ba là ghép của hai chuỗi trên.

2) Viết thủ tục để ngqời dùng nhập vào hai chuỗi bất kỳ - Dùng hộp thông báo in ra chuỗi thứ ba là ghép của hai chuỗi trên và chiều dài của hai chuỗi.

3) Tạo Form sau:

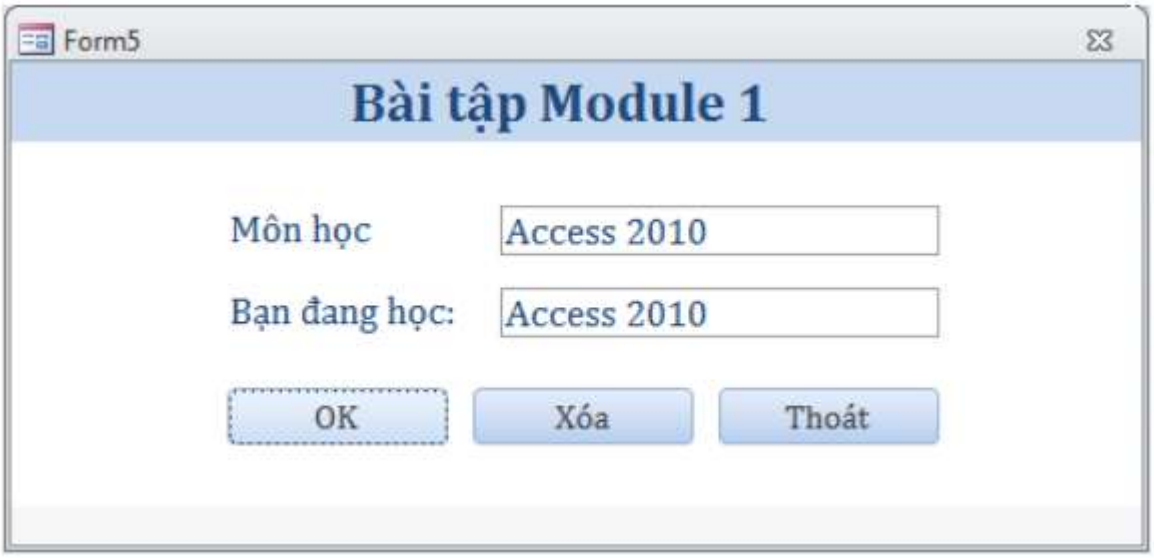

- Bạn nhập tên môn học Access 2010 trong ô môn học.
- Click nút OK sẽ hiển thị tên môn học trong ô Bạn đang học Access 2010.
- Nút Xóa dùng để xóa nội dung trong 2 textbox.
- Nút Thoát : Đóng Form.

4) Tạo các form máy tính có dạng sau:

- Khi nhập số thứ nhất và số thứ hai sau đó click nút cộng, trừ, nhân, chia thì lần lượt cho kết quả tương ứng.
- Click nút tiếp sẽ xóa dữ liệu trong các ô và dấu nhấy nhảy về ô số thứ nhất

Chú ý : Khi nhập số thứ hai bằng không và nhấn nút chia thì phải hiện thông báo

5) Viết một thủ tục tham chiếu trên CSDL hiện hành, kiểm tra xem có tồn tại một Table do ngqời dùng chỉ định, thông báo kết quả ra hộp thông báo.

6) Viết một thủ tục đếm tổng số mẩu tin trong bảng HOA Don của CSDL hiện hành, in kết quả ra cửa sổ Debug.

7) Viết một thủ tục in ra cửa sổ Debug, Manv của các mẫu tin đầu, kế, áp cuối và cuối có trong bảng Nhanvien của CSDL Hoadon.

8) Viết một thủ tục in ra cửa sổ Debug các mẫu tin trong bảng Nhanvien của CSDL hiện hành gồm Manv, Hoten, Ngaysinh, Phai.

9) Viết một thủ tục đếm số mẫu tin có trong bảng Nhanvien, in kết quả ra hộp thông báo.

10) Viết thủ tục xếp thứ tự dữ liệu của bảng NhanVien tăng dần theo NgaySinh, sau đó in ra cửa sổ Debug các mẫu tin trong bảng gồm Manv, Hoten, NgaySinh, Phai.

11) Viết một thủ tục tìm MaNV trong bảng NhanVien. Dùng hộp thoại để thông báo kết quả tìm kiếm.

12) Viết một thủ tục in ra hộp thông báo số thứ tự mẫu tin trên tổng số mẫu in của bảng NhanVien.

13) Viết một thủ tục in ra cửa sổ Debug mẫu tin hiện hành gồm Manv, HoTen, NgaySinh, phai trong bảng NhanVien, sau đó in ra tất cả các mẫu tin có trong bảng, quay về in lại đúng mẫu tin ban đầu.

14) Tạo Form NhanVien có một Textbox tên TxtMaNV, một command button có nhãn là Tìm. Viết một Event Procedure khi ngqời dùng nhập MaNV vào TxtMaNV, nhấn nút Tìm sẽ tìm ngay mẫu tin liên quan để hiện lên Form.

15) Tạo Form Danh sách Hóa Đơn theo ngày có hai Text Box TxtTuNgay và TxtDenNgay, một Command button Loc. Viết một Event Procedure khi người

dùng nhập vào hai Text Box, click nút Loc sẽ tìm ngay mẫu tin thỏa điều kiện lọc và hiển thị kết quả ra cửa sổ Debug.

16) Viết một thủ tục tăng đơn giá các sản phẩm lên 5% trong bảng sanpham. Trong quá trình cập nhập nếu có bị lỗi thì tất cả các thay đổi trqớc đó sẽ bị hủy.

17) Hãy tạo Form như mẫu, viết code đưa dữ liệu lên form, và các nút duyệt record: first, previous, next, last, close.

18) Tạo form nhân viên và viết code để thực hiện các yêu cầu sau:

a) Khi Click vào nút TÌM thì sẽ xuất hiện hộp thoại yêu cầu nhập mã nhân viên. Nếu có thì sẽ hiển thị thông tin về nhân viên đó tương ứng trong các Unbound textbox. Nếu không có thì sẽ thông báo là MaNV không tồn tại và xóa trắng các Unbound TextBox.

b) Khi Click vào nút THÊM thì sẽ xóa trắng các Unbound Textbox và thêm mẩu tin mới vào bảng NHANVIEN ứng với dữ liệu trong các Unbound Textbox.

c) Khi Click vào nút XÓA thì sẽ hiện hộp thoại yêu cầu xác nhận với nội dung "bạn muốn xóa?" và hai nút YES, NO. Nếu chọn YES thì sẽ xóa mẩu tin đang hiển thị và xóa trắng các Unbound textbox.

d) Nút ĐÓNG để đóng Form.

Phần 2: Bài tập làm thêm

Bài tập 01: Cơ sở dữ liệu Quản lý hàng hóa

- ***Sử dụng CSDL QuanLyHangHoa.accdb được cho sẵn trên ổ Z:***
- ***Đặt tên cho các query là "Cau<số thứ tự của câu>" ví dụ: Cau1, Cau2***

Tạo các query theo các yêu cầu sau:

1. Liệt kê thông tin chi tiết về các hóa đơn phát sinh trong bảng PHATSINH, bao gồm: *ngày, loại phiếu, số phiếu, họ tên, mã hàng, số lượng, đơn giá*. (xem hình minh họa sau)

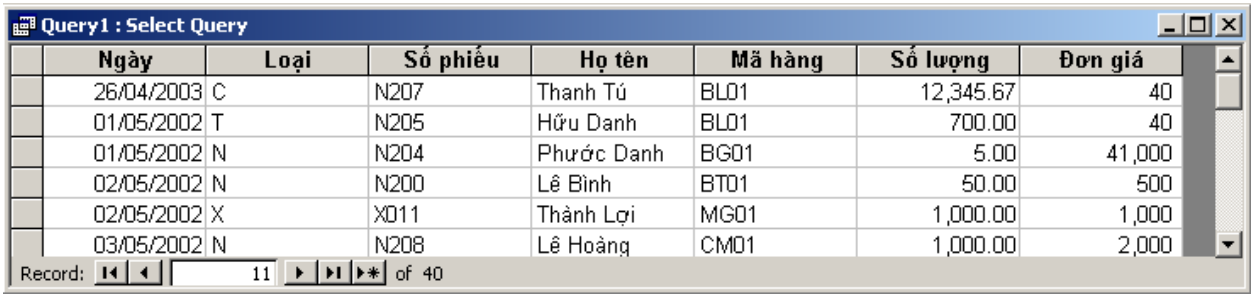

Query1 : Select Query

Ngày	Loại	Số phiếu	Họ tên	Mã hàng	Số lượng	Đơn giá
26/04/2003	C	N207	Thanh Tú	BL01	12,345.67	40
01/05/2002	T	N205	Hữu Danh	BL01	700.00	40
01/05/2002	N	N204	Phước Danh	BG01	5.00	41,000
02/05/2002	N	N200	Lê Bình	BT01	50.00	500
02/05/2002	X	X011	Thành Lợi	MG01	1,000.00	1,000
03/05/2002	N	N208	Lê Hoàng	CM01	1,000.00	2,000

Record: 11 of 40

2. Liệt kê thông tin chi tiết về các hóa đơn phát sinh bao gồm: *ngày, loại phiếu, số phiếu, tên hàng, loại hàng, số lượng, đơn giá*. Kết quả hiển thị theo ngày tăng dần.
3. Liệt kê thông tin chi tiết về các hóa đơn phát sinh bao gồm: *ngày, loại phiếu* (Nhập, Xuất, Thu, Chi tương ứng với loại là N, X, T, C), *số phiếu, tên hàng, loại hàng, số lượng, đơn giá.*
4. Liệt kê thông tin chi tiết về các hóa đơn phát sinh bao gồm*: ngày, tên hàng, loại hàng, số lượng, đơn giá, số tiền, thuế* (thuế = 10% * số tiền), *thành tiền* (thành tiền = số tiền + thuế).
5. Liệt kê thông tin chi tiết về các hoá đơn phát sinh có số lượng > 50. Các thông tin cần hiển thị: ngày, tên hàng, loại hàng, số lượng, đơn giá, số tiền.
6. Liệt kê thông tin chi tiết (ngày, tên hàng, loại hàng, số lượng, đơn giá, số tiền) của các hoá đơn có loại là "N" và có ngày phát sinh là 02/05/2002.
7. Liệt kê thông tin chi tiết (ngày, tên hàng, loại hàng, số lượng, đơn giá) của các hoá đơn có ngày phát sinh từ 02/05/2002 đến ngày 10/05/2002.
8. Liệt kê thông tin chi tiết (ngày, tên hàng, loại hàng, số lượng, đơn giá) của các hoá đơn phát sinh *ngoài khoảng thời gian từ 03/05/2002 đến 10/05/2002*
9. Liệt kê thông tin chi tiết của những hóa đơn phát sinh trước ngày 15 mỗi tháng
10. Liệt kê thông tin chi tiết của những hóa đơn phát sinh trong tháng 5 và tháng 6
11. Liệt kê thông tin chi tiết (ngày, tên hàng, loại hàng, số lượng, đơn giá, số tiền) của các hoá đơn có loại là "N" hoặc là "X".
12. Liệt kê thông tin chi tiết (ngày, tên hàng, loại hàng, số lượng, đơn giá, số tiền) của các hoá đơn mà loại hàng "Quần áo may sẵn".
13. Hiển thị thông tin của các nhân viên sinh năm 1975

14. Hiển thị thông tin: họ và tên nhân viên, tuổi của nhân viên.
15. Liệt kê thông tin chi tiết (họ và tên nhân viên, ngày, tên hàng, số lượng, đơn giá, số tiền) của các hoá đơn mua bán hàng của nhân viên có mã nhân viên là “0001”
16. Liệt kê thông tin chi tiết (họ và tên nhân viên, ngày, tên hàng, số lượng, đơn giá, số tiền) của các hoá đơn có 2000000<=số tiền<=5000000 do các nhân viên có mã nhân viên từ “0001” đến “0004” lập.
17. Liệt kê thông tin chi tiết (ngày, tên hàng, loại hàng, số lượng, đơn giá, số tiền) của hoá đơn phát sinh có số lượng nhỏ nhất.
18. Liệt kê thông tin chi tiết (ngày, tên hàng, loại hàng, số lượng, đơn giá, số tiền) của hoá đơn phát sinh có số tiền lớn nhất.
19. Tính tổng số lần đã xuất hàng, tổng số tiền.
20. Tính tổng số mặt hàng của từng loại hàng.
21. Tính tổng số lượng của các mặt hàng xuất theo từng mặt hàng trong từng ngày. Hiển thị các thông tin: ngày, tên hàng, tổng số lượng.
22. Hiển thị những mặt hàng có tổng số lượng hàng xuất >100.
23. Tính tổng số lượng hàng xuất theo từng mặt hàng mà những mặt hàng này có số lượng mỗi lần xuất >100.
24. Hiển thị thông tin chi tiết của nhân viên (mã nhân viên, họ và tên nhân viên, phái, ngày sinh, địa chỉ, tên tổ trực thuộc) với mã nhân viên được nhập từ bàn phím khi thực hiện truy vấn.
25. Liệt kê các thông tin ngày, loại phiếu, tên hàng, loại hàng, số lượng, đơn giá, số tiền của những hoá đơn phát sinh với ngày được nhập từ bàn phím.
26. Liệt kê thông tin chi tiết (ngày, loại phiếu, tên hàng, loại hàng, số lượng, đơn giá, số tiền) của các hoá đơn phát sinh loại nhập (loai = “N”) có số lượng > [số lượng nhập], với số lượng nhập là tham số được nhập từ bàn phím.
27. Liệt kê thông tin chi tiết (ngày, loại phiếu, tên hàng, loại hàng, số lượng, đơn giá, số tiền) của các hoá đơn phát sinh với ký tự đầu của mã hàng là tham số được nhập từ bàn phím.
28. Thống kê tổng số lượng hàng của từng mặt hàng trong từng ngày.

Query1 : Crosstab Query

Ngày	Tổng Số Lượng	áo sơ mi (vải V	Bàn làm việc	Bàn trang điểm	Bột Giặt Omo	Cá mồi hộp	Dầu g
03/02/2002	500	500					
10/02/2002	1001	1					
27/02/2002	30				30		
17/03/2002	2	2					
01/05/2002	705		700		5		
02/05/2002	1050			50			
03/05/2002	1000					1000	

Record: 1 of 22

29. Thống kê tổng số lượng hàng nhập của từng loại hàng trong từng ngày.
30. Thống kê tổng số lượng hàng xuất của từng loại hàng trong từng ngày.
31. Thống kê tổng số lượng hàng của từng mặt hàng thuộc loại "thực phẩm" trong từng ngày
32. Thống kê tổng số tiền nhập của từng mặt hàng do từng nhân viên lập hoá đơn.
33. Thống kê tổng giá trị của mỗi loại hoá đơn của từng tháng
34. Thống kê tổng giá trị của mỗi loại hoá đơn theo từng loại hàng
35. Thống kê tổng số giá trị của từng loại phát sinh (Nhập, Xuất, Thu, Chi) theo từng mặt hàng.

Query1 : Crosstab Query

TenLoai	Tổng giá trị	C	N	T	X
Chất tẩy rửa	10305210	3400000	5705000		1200210
Đồ trang trí nội thấ	77346926.8	45293826.8	22025000	28000	10000100
Mỹ phẩm	9900000		8000000		1900000
Quần áo may sẵn	44200000	200000	3000000	11000000	30000000
Thực phẩm	26000000	1000000	6500000	11000000	7500000

Record: 1 of 5

36. Tìm các mã hàng xuất hiện nhiều hơn một lần trong table PHATSINH.
37. Liệt kê thông tin chi tiết của các nhân viên chưa tham gia nhập, xuất, thu, chi.
38. Liệt kê thông tin về các mặt hàng được phụ trách bởi nhân viên có tên "Dương Văn Hiếu" nhưng không được phụ trách bởi nhân viên có tên là "Nguyễn Công Danh".
39. Tìm những mặt hàng được nhập bởi "Nguyễn Công Danh" nhưng không được nhập bởi "Dương Văn Hiếu".
40. Tìm những mặt hàng chỉ được nhập mà chưa được xuất lần nào.
41. Tìm những mặt hàng mà trong ngày 12/05/2002 được nhập vào nhưng không được xuất.
42. Tìm những mặt hàng có tổng số lượng xuất nhỏ hơn hoặc bằng tổng số lượng nhập của mặt hàng "Bàn làm việc"
43. Tìm những nhân viên sinh cùng tháng với nhân viên "Nguyễn Anh Thư"
44. Trong hoá đơn phát sinh, tìm những mặt hàng có tổng đơn giá lớn hơn đơn giá trung bình.
45. Trong hoá đơn phát sinh, cho biết mã loại, tên loại, tổng số lượng của những loại hàng có tổng số lượng mặt hàng lớn hơn hoặc bằng tổng số lượng mặt hàng thuộc loại "Chất tẩy rửa".
46. Tìm thông tin của những loại hàng không chứa mặt hàng nào.
47. Tìm những nhân viên có tổng số lượng nhập ít hơn tổng số lượng nhập của "Nguyễn Công Danh"

48. Tìm những nhân viên lớn tuổi hơn “Nguyễn Văn Hoài”
49. Tạo table có tên là PHATSINHNhap chứa các phát sinh loại nhập
50. Tạo table có tên là PHATSINHXuat chứa các phát sinh loại xuất
51. Tạo table có tên là ThucPham chứa các thông tin chi tiết về các phát sinh của các mặt hàng có loại là “thực phẩm”

Chép PHATSINH thành PHATSINH1, HANGHOA thành HANGHOA1, LOAIHANG thành LOAIHANG1.

52. Xóa các mặt hàng có mã AM01 trong table PHATSINH1
53. Tạo quan hệ ràng buộc tòan vẹn giữa HANGHOA1 và LOAIHANG1 trong đó không chọn mục “Cascade delete related records”.

    Tạo query xóa loại hàng “Chất tẩy rửa” trong LOAIHANG1.
54. Chép HANGHOA thành HANGHOA2, LOAIHANG thành LOAIHANG2. Tạo quan hệ ràng buộc tòan vẹn giữa HANGHOA2 và LOAIHANG2 trong đó có chọn mục “Cascade delete related records”.

    Tạo query xóa loại hàng “Chất tẩy rửa” trong LOAIHANG2.

    ☞ *Xem kết quả trong các table HANGHOA1, LOAIHANG1, HANGHOA2, LOAIHANG2 và đưa ra nhận xét.*
55. Xóa các hoá đơn xuất có trong PHATSINH1 do Nguyễn Công Danh lập vào tháng 5 năm 2002
56. Xóa các hoá đơn nhập có trong PHATSINH1 không do Nguyễn Công Danh lập vào tháng 5 năm 2002
57. Nối thêm các record từ PHATSINH vào PHATSINH1
58. Nối thêm một record mới vào cuối table NHANVIEN, với các thông tin nhân viên được nhập từ bàn phím khi thực hiện query.
59. Nối thêm một record mới vào cuối table HANGHOA, với các thông tin hàng hóa được nhập từ bàn phím khi thực hiện query.
60. Tăng lương cho tất cả nhân viên thêm 10%.
61. Tăng đơn giá lên 3% cho các mặt hàng thuộc loại “Chất tẩy rửa”
62. Giảm đơn giá 5% cho các mặt hàng thuộc loại hàng “Đồ trang trí nội thất”
63. Cộng thêm 100.000 vào lương của các nhân viên có lương nhỏ hơn mức lương trung bình.
64. Tạo quan hệ ràng buộc tòan vẹn giữa HANGHOA1 và PHATSINH1 trong đó không chọn mục “*Cascade Update Related Fields*”.

    Tạo query cập nhật mã hàng “CM01” trong HANGHOA1 thành “CN01”.

Bài tập 02: Cơ sở dữ liệu Quản lý bán hàng

Sử dụng cơ sở dữ **liệu QuanLyBanHang. Accdb** để thực hiện các yêu cầu sau

Truy vấn chọn lựa

Thực hiện các truy vấn sau:

1. Hiển thị các vùng: MaNV,HoNV,TenNV,NgaySinh,DiaChi,DienThoai những mẫu tin có số điện thoại
2. Hiển thị các vùng: MaNV,HoNV,TenNV,NgaySinh,DiaChi,DienThoai những mẫu tin không có số điện thoại
3. Tạo truy vấn gồm các vùng: MaHD, NgayLapHD, TenKH, MaSP, SoLuong, ThanhTien :[DonGia]*[SoLuong]
4. Hiển thị các vùng: MaHD, TenSP, SoLuong, ThanhTien của những khách hàng đã mua hàng
5. Hiển thị các vùng: MaHD, TenSP, SoLuong, ThanhTien của những khách hàng đã mua hàng trong tháng 7/99
6. Tạo truy vấn gồm các vùng: MaSP, TenSP, DonGia,GiaCongThue:[Dongia]*110%

Nhóm dữ liệu

7. Tổng kết xem từng khách hàng của công ty đã mua mặt hàng với số là tiền bao nhiêu
8. Cho biết các Khách hàng đã đặt bao nhiêu Hóa đơn mặt hàng “R02”
9. Tổng kết xem từng khách hàng của công ty đã mua mặt hàng trong tháng hiện hành với số tiền là bao nhiêu
10. Từ bảng ChiTietHD Thống kê Tổng số lượng theo Mã sản Phẩm
11. Từ bảng ChiTietHD Thống kê Tổng số lượng theo Mã Hóa Đơn

MakeTable Query và Update Query

12. Từ Bảng HoaDon hãy tạo ra bảng HoaDon_07 cho những Hóa đơn có Ngày lập Hóa đơn trong tháng 07/1999
13. Trong Bảng HoaDon_07 xóa MaHD là 5
14. Từ Bảng SanPham hãy tạo ra bảng SanPhamDVT cho những sản phẩm có đơn vị tính là Lon
15. Trong bảng SanPhamDVT sửa đổi DonGia của tất cả mặt hàng tăng 10%

Truy vấn tham số

16. Tạo một truy vấn tham số, mỗi lần thực thi gõ vào một tham số mã khách hàng [Nhập mã khách hàng:] hiển thị ra các thông tin tương ứng như: MaKH, TenKH, GioiTinh, NgaySinh, DiaChi, DienThoai
17. Tạo một truy vấn tham số, mỗi lần thực thi gõ vào một tham số Mã Hóa Đơn [Nhập Mã Hóa Đơn:] hiển thị ra các thông tin tương ứng như: TenKH, DiaChi, DienThoai, NgayLapHD, NgayNhanHang, TenNV, TenSP, DonViTinh, DonGia, SoLuong, ThanhTien : [SoLuong]*[DonGia]

Truy vấn con

18. Tìm những khách hàng có Ngày lập Hóa đơn trong khoảng thời gian từ #01/06/99# đến #30/06/1999#
19. Cho biết những khách hàng có Ngày Lập Hóa đơn gần đây nhất

Thiết kế các form sau:

Câu 1: Đặt tên frmThongTinKhachHang

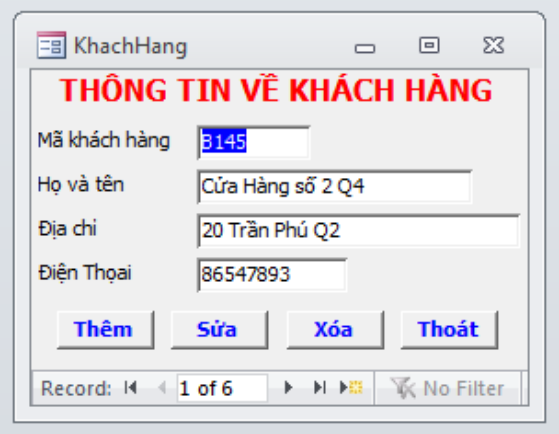

Câu 2: Đặt tên frmThongTinNhanVien

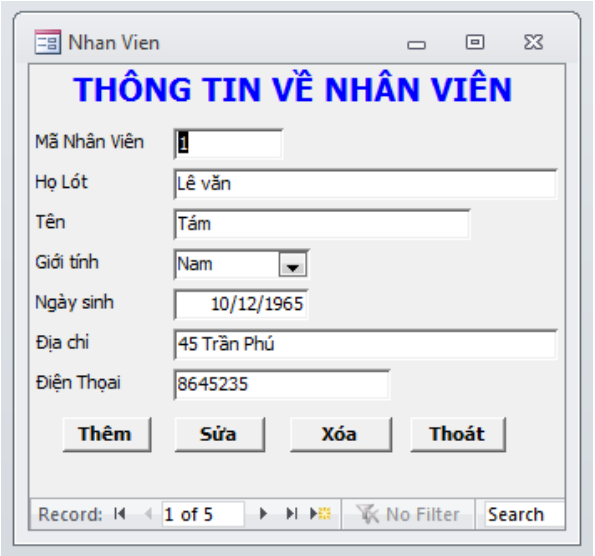

Câu 3: Thiết kế Form theo mẫu sau: Xây dựng các Macro cho phép các nút lệnh trên Form thực hiện công việc: **Thêm, Sửa, Xóa, Thoát**

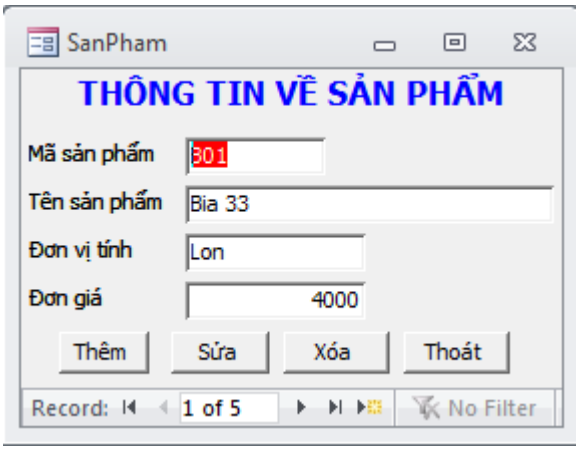

Câu 4: Thiết kế **Main Form** và **Sub Form** theo mẫu sau: Form chính dạng Cột (Column) lấy dữ liệu từ bảng HOADON. Form phụ (Sub Form) dạng bảng (Datasheet) lấy dữ liệu từ bảng ChiTietHD

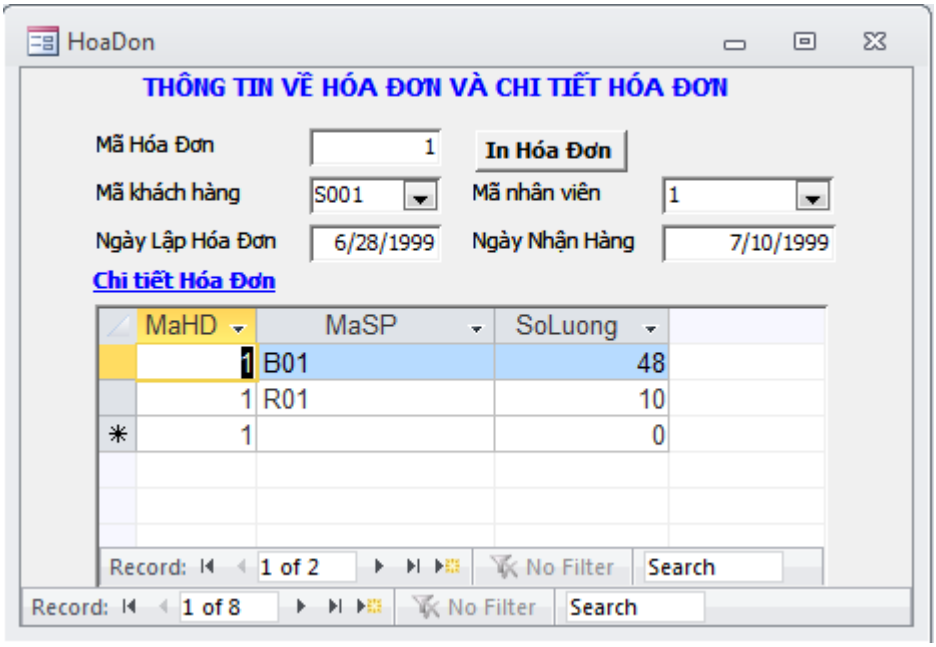

Câu 5: Sử dụng **Design View** để thiết kế Form theo mẫu trên bên phải

Yêu cầu: Xây dựng nhóm Macro để cho phép người sử dụng nhấn vào các nút lệnh cho phép mở các Form trên

Câu 06: Tạo truy vấn có các vùng như sau: NgaylapHD, TenSP, SoLuong, DonGia, ThanhTien:[Soluong]*[DonGia]

- Lưu Truy vấn với tên là : **Q_ThongKe**
- Dùng công cụ Wizard để tạo báo cáo lấy dữ liệu từ Query trên
- Yêu cầu: Báo cáo theo nhóm là vùng **TenSP**
- Dùng **Design** để thiết kế lại báo cáo theo mẫu Report như sau:

THỐNG KÊ THEO TỪNG LOẠI SẢN PHẨM

Ngày thống kê : 10/27/2011

Tên Sản Phẩm: Bia 33

Ngày lập Hóa đơn	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
6/28/1999	48	4000	192,000
6/29/1999	25	4000	100,000
7/4/1999	10	4000	40,000
7/5/1999	15	4000	60,000
7/6/1999	10	4000	40,000
7/11/2004	6	4000	24,000
9/11/2004	3	4000	12,000
		Tổng cộng	468,000

Tên Sản Phẩm: Bia Heneken

Ngày lập Hóa đơn	Số Lượng	Đơn giá	Thành tiền
6/29/1999	25	6000	150,000
7/11/2004	9	6000	54,000
		Tổng cộng	204,000

Câu 07: Tạo truy vấn có các vùng như sau:

- Dùng **Design** để thiết kế lại Báo cáo theo mẫu Report. Số hóa đơn do người dùng nhập

BÁO CÁO HÓA ĐƠN BÁN HÀNG

Ngày báo cáo : 10/27/2011

Họ Tên Khách hàng: Công Ty VHP Tân Bình **Điện thoại:** 8554545

Địa chỉ : 10 Lý thường Kiệt

Hóa đơn đặt hàng số : 3 **Ngày lập Hóa đơn:** 7/4/1999

Người lập Hóa đơn: Lê văn Tám

Tên Sản Phẩm	Đơn vị tính	Đơn giá	Số Lượng	Thành tiền
Bia 33	Lon	4000	10	40,000

Tổng số tiền của Hóa đơn: **40,000**

Người lập báo cáo

Bài tập 03: Cơ sở dữ liệu Quản lý sinh viên

Sử dụng cơ sở dữ liệu QuanLySinhVien. Accdb và thực hiện các yêu cầu sau

A- Sử dụng Select Query

1. Hiển thị danh sách sinh viên gồm các thông tin sau:Masv, HoSV, TenSV, NgaySinh, GioiTinh
2. Hiển thị danh sách sinh viên như câu 1 nhưng sắp xếp theo MaSV tăng dần
3. Hiển thị danh sách sinh viên gồm các thông tin sau: Masv, HoSV, TenSV, NgaySinh, GioiTinh, MaKH, HocBong (sắp xếp MaKH tăng dần, MaSV giảm dần)
4. Hiển thị bảng điểm sinh viên gồm các thông tin: MaSV, HoSV, TenSV, MaMH, Diem

B- Sử dụng Select Query (Field, Sort, Show, Criteria)

1. Hiển thị danh sách sinh viên có tên là “Chính”
2. Hiển thị danh sách sinh viên có Nơi sinh là “Sài Gòn”
3. Hiển thị danh sách sinh viên có Nơi Sinh là “Hà Nội” và học Khoa “TH”
4. Hiển thị danh sách sinh viên có Họ là “Trần” và học Khoa “AV”
5. Hiển thị danh sách sinh viên có Mã số bắt đầu là B và học Khoa “AV”
6. Hiển thị danh sách sinh viên có Phái là “Nữ” và nơi sinh là “Bến tre”
7. Hiển thị danh sách sinh viên có ngàysinh>=01/01/1977
8. Hiển thị danh sách sinh viên không có Học Bổng
9. Hiển thị danh sách sinh viên có Học bổng và học Khoa “TH”.
10. Hiển thị danh sách sinh viên có điểm thi <5

C- Sử dụng Select Query với các cột tính tóan tự tạo ra thông qua các Hàm (IIF,MONTH, YEAR,DAY,TRIM, LEFT, RIGHT)

1. Hiển thị danh sách sinh viên gồm các cột sau: MaKH, MaSV, HoSV,TenSV, Namsinh, Tuoi, sắp xếp tuổi theo thứ tụ tăng dần. Biết rằng tuổi sẽ là Năm hiện Hành – Năm Sinh
2. Hiển thị danh sách sinh viên gồm các cột sau: MaSV, HoTenSV, Phai, MaKH, TenKhoa. biết rằng HoTenSV= HoSV & TenSV
3. Hiển thị danh sách sinh viên gồm các thông tin sau: MaSV, HoTenSV, Ngaysinh, NoiSinh nhưng chỉ lọc Sinh viên sinh vào tháng 12
4. Hiển thị danh sách sinh viên gồm các thông tin sau: MaSV, HoTenSV, Ngaysinh, NoiSinh nhưng chỉ lọc Sinh viên sinh vào tháng 11 và năm 1977
5. Hiển thị danh sách sinh viên gồm các thông tin sau: MaSV, HoTenSV, HocBong, MaKhoa, TenKhoa, HocBongMoi. Biết rằng Học bổng mới = 10% +HocBong cũ
6. Hiển thị danh sách sinh viên gồm các thông tin sau: MaSV, HoTenSV,TenMH, Diem, ĐánhGia. Biết rằng nếu điểm <5 là Rớt, ngược lại là Đậu.

D- Sử dụng Select Query với dòng ToTal (nhóm dữ liệu) và các Hàm: Count, Sum, AVG, Min, Max.

1. Cho biết Tổng số Sinh viên của từng Quận, thông tin gồm: Quan, TongSoSV
2. Cho biết Tổng số Sinh viên của từng Khoa thông tin gồm:MaKH, TenKhoa, TongSoSV
3. Cho biết Học Bổng cao nhất, thấp nhất thông tin hiển thị: MaKhoa, TenKhoa,HBMax,HBMin
4. Cho biết Tổng số Sinh Viên Nam của từng Khoa là Bao nhiêu, thông tin gồm:MaKhoa, TenKhoa, TongSVNam
5. Cho biết Tổng số Sinh Viên Nữ của từng Khoa là Bao nhiêu, thông tin gồm:MaKhoa, TenKhoa, TongSVNu
6. Cho biết Độ tuổi trung bình của Sinh viên trong từng Khoa là Bao nhiêu thông tin gồm : MaKhoa, TenKhoa, TuoiTB
7. Hiển thị bảng điểm tổng hợp của sinh Viên gồm thông tin:MaSV, HoTenSV, DiemTB, TongSoMonThi. Trong đó DiemTB là điểm trung bình của các Môn thi, TongSoMonThi là tổng số các môn thi của các sinh viên.Điểm TB lấy 2 số lẻ
8. Cho biết Tổng Sinh viên của từng Môn Học thông tin gồm: TenMH, TongSoSV
9. Cho biết điểm thi cao nhất của môn học Cơ sở dữ liệu.
10. Cho biết danh sách các môn thi có điểm thi cao nhất.
11. Cho biết danh sách các môn thi có điểm thi thấp nhất.
12. Cho biết danh sách các thí sinh có điểm thi cao nhất.
13. Cho biết danh sách các thí sinh có điểm thi thấp nhất.

E- Sử dụng Make- Table Query (truy vấn tạo Bảng)

1. Từ Bảng SinhVien hãy tạo ra 2 bảng SinhVien_TH và SinhVien_AV trong đó chứa các Sinh viên của Khoa Tin Học và Anh văn trong đó sắp xếp MASV tăng dần
2. Từ bảng SinhVien, KetQua, MonHoc sao chép thành bảng BangDiemSV gồm các thông tin: MaSv, HoTenSV, TenMH, Diem, KetQua. Trong đó Kết quả sẽ là Đậu nếu Điểm >=5 và ngược lại là Rớt
3. Từ Bảng DMKHOA sao chép thành bảng HocBongKhoa gồm các thông tin: MaKh, TenKhoa, TongHocBong. Trong đó tổng học bổng là tổng số học bổng của sinh viên trong từng Khoa
4. Từ bảng SinhVien và KetQua sao chép thành Bảng DiemTB gồm các thông tin: MaSV, TenSV, TongDiem, TongMT, DiemTB. Trong đó Tổng điểm là tổng điểm thi của từng sinh viên, TongMT là tổn số ôn thi của tưnh Sinhviên, DiemTB là điểm trung bình của từng Sinh viên được tính bằng TongDiem/TongMT

F- Sử dụng Update Query (truy vấn cập nhật)

1. Tăng học bổng cho sinh viên Khoa Tin học mỗi sinh viên là 50000

2. Cộng thêm 0.5 điểm thi môn học Cơ sở dữ liệu cho những sinh viên có điểm thi thấp hơn 5

G- Sử dụng Append Query (truy vấn nối thêm)

1. Thêm một Khoa mới gồm thông tin : "KT", "Kinh Tế" vào bảng DMKhoa
2. Thêm một Môn học Mới gồm thông tin MaMH= "11", Tên môn học ="Access", Sốtiết = 90

H- Sử dụng Delete Query (truy vấn xóa)

1. Trong bảng SinhVien_TH xóa các sinh viên có Nơi sinh là Sài Gòn
2. Trong bảng sinhVien_AV xóa các sinh viên có năm sinh là 1977 và ở Q3

K. Sử dụng Crosstab Query (truy vấn chéo):

Thống kê điểm sinh viên theo dạng sau:

MaSV	Ho và Tên	Cơ sở dữ	Đàm	Đồ Họa	Trí tuệ Nhân	Truyền	Văn
A01	Nguyễn thị Hải	2				9	
A02	Trần văn Chính	7.5	6.5			10	9
A03	Lê Bạch Yến	5				3	10
A04	Trần Anh Tuấn						4
A05	Trần Thanh Triều		8				
A06	Nguyễn văn Chinh	7					

J.Sử dụng Truy vấn con:

1. Cho biết danh sách các sinh viên thi môn Cơ sở dữ liệu với số điểm lớn nhất
2. Cho biết danh sách các sinh viên trong Khoa Tin Học có điểm thi thấp nhất

Thiết kế Form và Báo cáo

Tạo Form theo mẫu sau:

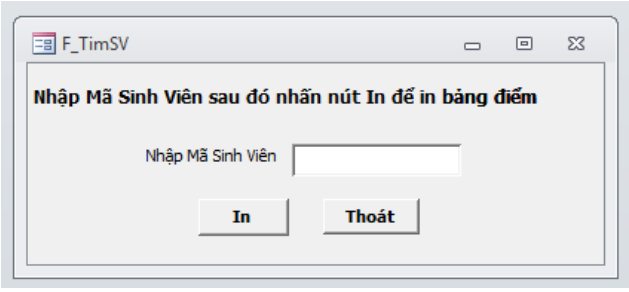

Sau khi nhập [Mã sinh viên] hiển thị bảng điểm của sinh viên tương ứng

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Mã Sinh Viên	Họ và Tên	Tên môn học	Điểm
A02	*Trần văn Chính*		
		Đàm Thoại	6.5
		Văn Phạm	9.0
		Truyền Tin	10.0
		Cơ sở dữ liệu	7.5